AASCS

Member of MSI Global Alliance

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO
DN: C=VN, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO, L=218 Quốc Lộ 13, Phường Hiệp Bình Chánh, TP. Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam, O=CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO, ST=Hồ Chí Minh, UID=MST:0307979603, E=hr@cityford.com.vn
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.08.28 14:47:49 +07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2026.1.2

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

Tổ chức kiểm toán:

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)

THÀNH VIÊN CỦA TỔ CHỨC KIỂM TOÁN QUỐC TẾ MSI GLOBAL ALLIANCE

29 Võ Thị Sáu, P. Tân Định, TP. Hồ Chí Minh. Tel: (028) 3820 5944 - 3820 5947; Fax: (028) 3820 5942

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	03 – 05
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	06
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
- Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ	07 – 08
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	09
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	10 – 11
- Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	12 – 59

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần City Auto (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét của Công ty mẹ và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026.

I. CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần City Auto (gọi tắt là "Công ty") thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0307979603 ngày 09 tháng 03 năm 2009, thay đổi lần 21 ngày 02 tháng 06 năm 2026 do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là CTF kể từ ngày 30/5/2017 theo Quyết định số 159/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11/5/2017.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	:	956.538.590.000 VND.
Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 30/06/2026	:	956.538.590.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 218, Quốc lộ 13, Phường Hiệp Bình, Tp. Hồ Chí Minh

2. Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại – dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh đăng ký của Công ty là:

- Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt;
- Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống);
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan;
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính.

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Lợi nhuận sau thuế cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 lãi 4.124.098.139 VND (Cùng kỳ kế toán 30/06/2025 lợi nhuận sau thuế lãi 1.897.842.912 VND).

Lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm 30/06/2026 là 22.553.197.755 VND (Tại thời điểm 31/12/2025 lợi nhuận chưa phân phối là 18.429.099.616 VND).

III. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 30/06/2026 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

IV. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT VÀ ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Hội đồng Quản trị	**Chức vụ**
Ông Trần Lâm	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 28/05/2026)
Ông Trần Ngọc Dân	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 28/05/2026)
Ông Trần Long	Thành viên
Ông Trần Quang Trí	Thành viên
Bà Nguyễn Lan Hương	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 28/05/2026)
Ông Phan Hoàng Sơn	Thành viên
Ban Tổng Giám đốc	
Ông Trần Lâm	Tổng Giám đốc
Ông Trần Quang Trí	Phó Tổng Giám đốc
Ban Kiểm soát	
Bà Nguyễn Thái Hòa	Trưởng Ban Kiểm soát (Bổ nhiệm ngày 28/05/2026)
Bà Lê Thị Diễm Hương	Thành viên Ban Kiểm soát (Bổ nhiệm ngày 28/05/2026)
Ông Trần Quốc Đạt	Thành viên Ban Kiểm soát (Bổ nhiệm ngày 28/05/2026)
Bà Hoàng Thị Thanh Hải	Trưởng Ban Kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 28/05/2026)
Bà Trần Thị Én	Thành viên Ban Kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 28/05/2026)
Bà Đỗ Thị Như Duyên	Thành viên Ban Kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 28/05/2026)

Người đại diện theo pháp luật

Ông Trần Lâm

Kế toán trưởng

Bà Lê Thị Thương Thương (Bổ nhiệm ngày 19/06/2026)

Theo danh sách trên, không ai trong Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát sử dụng quyền lực mà họ được giao trong việc quản lý, điều hành Công ty để có được bất kỳ một lợi ích nào khác ngoài những lợi ích thông thường từ việc nắm giữ cổ phiếu như các cổ đông khác.

V. KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) được bổ nhiệm thực hiện công tác soát xét và kiểm toán các báo cáo tài chính cho Công ty.

VI. CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 30/06/2026. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;

- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính này;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho cùng kỳ, phù hợp với chuẩn mực, chế độ Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

VII. CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và các Thông tư hướng dẫn sửa đổi, bổ sung.

VIII. PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi, Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần City Auto phê duyệt Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026.

Phê duyệt ngày 27 tháng 08 năm 2026
TM. Ban Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Trần Quang Trí
Phó Tổng Giám đốc

Số: ...758.../BCSX/TC/2026/AASCS

BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các Cổ đông**
Công ty Cổ phần City Auto

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần City Auto ("Công ty") và các công ty con (sau đây gọi là "Tập đoàn"), được lập ngày 27 tháng 08 năm 2026, từ trang 11 đến trang 59, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30/06/2026, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã tiến hành cuộc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 30/06/2026, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 08 năm 2026
Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)
Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM

Nguyễn Thị Mỹ Ngọc

Số Giấy CNĐKHNKT 1091-2023-142-1

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30/06/2026

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	*Thuyết minh*	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**2.952.829.924.239**	**2.988.596.058.799**
I . Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**		**99.820.935.023**	**165.517.214.598**
1 . Tiền	111	V.01	37.777.855.023	97.767.214.598
2 . Các khoản tương đương tiền	112		62.043.080.000	67.750.000.000
II . Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**217.600.791.651**	**207.527.389.827**
1 . Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.12	217.600.791.651	207.527.389.827
III . Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**1.644.612.651.179**	**1.700.692.515.355**
1 . Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	729.015.001.372	917.893.621.062
2 . Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	333.019.511.718	366.489.833.725
3 . Phải thu ngắn hạn khác	135	V.04	582.477.510.061	416.209.863.200
4 . Tài sản thiếu chờ xử lý	137	V.05	100.628.028	99.197.368
IV . Hàng tồn kho	**140**	V.06	**942.512.678.373**	**881.228.562.600**
1 . Hàng tồn kho	141		946.822.296.967	885.538.181.194
2 . Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142		(4.309.618.594)	(4.309.618.594)
V . Tài sản sinh học ngắn hạn	**150**		-	-
VI . Tài sản ngắn hạn khác	**160**		**48.282.868.013**	**33.630.376.419**
1 . Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	V.07	8.113.900.691	7.873.046.360
2 . Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	162	V.16	38.082.305.087	25.583.617.803
3 . Thuế và các khoản khác phải thu Nhà	163	V.16	2.086.662.235	173.712.256
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**991.850.257.076**	**961.611.082.742**
I . Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**330.254.154.987**	**311.679.244.367**
1 . Phải thu dài hạn khác	215	V.04	330.254.154.987	311.679.244.367
II . Tài sản cố định	**220**		**230.871.291.849**	**237.706.844.440**
1 . Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	122.933.417.783	129.014.491.279
- Nguyên giá	222		*215.275.247.467*	*218.039.687.770*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	223		*(92.341.829.684)*	*(89.025.196.491)*
2 . Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.09	4.404.349.127	4.782.380.159
- Nguyên giá	225		*6.137.445.000*	*6.137.445.000*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	226		*(1.733.095.873)*	*(1.355.064.841)*
3 . Tài sản cố định vô hình	227	V.10	103.533.524.939	103.909.973.002
- Nguyên giá	228		*108.151.937.546*	*108.151.937.546*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	229		*(4.618.412.607)*	*(4.241.964.544)*
III . Tài sản sinh học dài hạn	**230**		-	-
IV . Bất động sản đầu tư	**240**		-	-
V . Tài sản dở dang dài hạn	**250**		**2.744.396.903**	**1.282.672.448**
1 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252	V.11	2.744.396.903	1.282.672.448
VI . Đầu tư tài chính dài hạn	**260**	V.12	**357.842.324.061**	**331.361.003.205**
1 . Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262		26.218.958.828	26.137.637.972
2 . Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263		271.950.000.000	245.550.000.000
3 . Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác	264		(216.634.767)	(216.634.767)
4 . Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	265		59.890.000.000	59.890.000.000
VII . Tài sản dài hạn khác	**270**		**70.138.089.276**	**79.581.318.282**
1 . Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	V.07	14.160.510.091	16.527.342.895
2 . Lợi thế thương mại	279	V.13	55.977.579.185	63.053.975.387
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**280**		**3.944.680.181.315**	**3.950.207.141.541**

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30/06/2026

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	*Thuyết minh*	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**2.855.283.852.659**	**2.866.348.695.751**
I . Nợ ngắn hạn	**310**		**2.598.855.215.880**	**2.618.903.424.471**
1 . Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	435.341.172.534	155.298.616.426
2 . Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	31.081.077.612	72.153.597.966
3 . Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313		3.820.347.665	4.826.241.484
4 . Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	6.156.212.451	17.324.072.748
5 . Phải trả người lao động	315		2.745.907.267	16.798.582.852
6 . Chi phí phải trả ngắn hạn	316	V.17	17.310.877.693	14.807.863.388
7 . Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	319		586.636.997	509.914.227
8 . Phải trả ngắn hạn khác	320	V.18	74.543.392.829	61.387.964.175
9 . Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	V.19	2.026.319.495.493	2.274.844.475.866
10 . Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		950.095.339	952.095.339
II . Nợ dài hạn	**330**		**256.428.636.779**	**247.445.271.280**
1 . Phải trả dài hạn khác	338	V.18	34.550.000.000	5.950.000.000
2 . Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339	V.19	221.878.636.779	241.495.271.280
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**	V.20	**1.089.396.328.656**	**1.083.858.445.790**
1 . Vốn góp của chủ sở hữu	411		956.538.590.000	956.538.590.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		*956.538.590.000*	*956.538.590.000*
2 . Thặng dư vốn	412		19.004.385.000	19.004.385.000
3 . Quỹ đầu tư phát triển	418		4.367.682.760	4.367.682.760
4 . Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		1.215.200.961	1.215.200.961
5 . Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		22.553.197.755	18.429.099.616
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a		*18.429.099.616*	*9.317.721.070*
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	420b		*4.124.098.139*	*9.111.378.546*
6 . Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		85.717.272.180	84.303.487.453
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**3.944.680.181.315**	**3.950.207.141.541**

Phê duyệt, ngày 27 tháng 08 năm 2026

Người lập	Kế toán trưởng	Phó Tổng Giám đốc
Hoàng Thị Thanh Hải	Lê Thị Thương Thương	Trần Quang Trí

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	*Thuyết minh*	Kỳ này	Kỳ trước
1 . Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	VI.01	**3.524.426.087.581**	**4.342.393.154.988**
2 . Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	123.244.718.171	247.053.523.362
3 . Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**10**		**3.401.181.369.410**	**4.095.339.631.626**
4 . Giá vốn hàng bán	11	VI.03	3.167.967.777.589	3.849.815.678.248
5 . Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**20**		**233.213.591.821**	**245.523.953.378**
6 . Lãi/(Lỗ) của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21		-	-
7 . Doanh thu hoạt động tài chính	22	VI.04	60.727.013.640	70.356.379.018
8 . Chi phí tài chính	23	VI.05	97.214.114.396	98.863.409.409
- Trong đó: Chi phí lãi vay	*24*		*90.595.933.626*	*91.225.999.794*
9 . Chi phí bán hàng	25	VI.06	135.028.314.003	195.845.304.829
10 . Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.07	70.129.399.983	76.174.913.245
11 . Phần lãi/(lỗ) trong Công ty liên doanh, liên kết	27	VI.08	81.320.856	452.679.719
12 . (Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh	**30**		**(8.349.902.065)**	**(54.550.615.368)**
13 . Thu nhập khác	31	VI.09	19.494.989.102	60.248.633.818
14 . Chi phí khác	32	VI.10	1.868.923.994	1.622.461.487
15 . Lợi nhuận khác	40		17.626.065.108	58.626.172.331
16 . Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**50**		**9.276.163.043**	**4.075.556.963**
17 . Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.12	3.696.367.935	-
18 . Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
19 . Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**60**		**5.579.795.108**	**4.075.556.963**
20 . Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		4.124.098.139	1.897.842.912
21 . Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	62		1.455.696.969	2.177.714.051
22 . Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**70**	VI.13	**43**	**20**
23 . Lãi suy giảm trên cổ phiếu	**71**	VI.14	**43**	**20**

Phê duyệt, ngày 27 tháng 08 năm 2026

Người lập	Kế toán trưởng	Phó Tổng Giám đốc
Hoàng Thị Thanh Hải	Lê Thị Thương Thương	Trần Quang Trí

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	**01**	**9.276.163.043**	**4.075.556.963**
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	18.583.551.443	18.895.330.828
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(57.500.415.648)	(73.274.116.846)
- Chi phí đi vay	06	90.595.933.626	91.225.999.794
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	**08**	**60.955.232.464**	**40.922.770.739**
- (Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	35.841.657.388	(15.301.621.819)
- (Tăng) hàng tồn kho	10	(61.284.115.773)	(205.569.931.863)
- Tăng các khoản phải trả	11	275.575.449.842	156.208.518.56
- Giảm chi phí chờ phân bổ	12	9.202.374.675	2.261.788.943
- Chi phí đi vay đã trả	14	(97.947.905.992)	(100.590.220.555)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(14.882.985.871)	(7.887.824.174)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	4.961.901	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(2.000.000)	(47.400.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**	**207.462.668.634**	**(130.003.920.168)**
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(16.635.785.654)	(14.380.174.456)
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	6.002.240.160	21.736.697.346
- Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(10.073.401.824)	-
- Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(26.400.000.000)	-
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	42.089.613.983	42.532.968.373
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**	**(5.017.333.335)**	**49.889.491.263**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
- Tiền thu từ đi vay	33	3.236.380.421.512	3.478.011.424.160
- Tiền trả nợ gốc vay	34	(3.503.861.842.052)	(3.397.456.707.948)
- Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(660.194.334)	(660.194.334)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**	**(268.141.614.874)**	**79.894.521.878**
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	**50**	**(65.696.279.575)**	**(219.907.027)**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	165.517.214.598	69.029.863.474
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	**70**	**99.820.935.023**	**68.809.956.447**

Phê duyệt, ngày 27 tháng 08 năm 2026

Người lập	Kế toán trưởng	Phó Tổng Giám đốc
Hoàng Thị Thanh Hải	Lê Thị Thương Thương	Trần Quang Trí

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần City Auto hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0307979603 ngày 09 tháng 03 năm 2009, thay đổi lần 21 ngày 02 tháng 06 năm 2026 do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là CTF kể từ ngày 30/5/2017 theo Quyết định số 159/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11/5/2017.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh : 956.538.590.000 VND.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 30/06/2026 : 956.538.590.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 218, Quốc lộ 13, Phường Hiệp Bình, Tp. Hồ Chí Minh

Số lượng nhân viên của Tập đoàn tại 30/06/2026: 292 người (Tại 31/12/2025: 301 người).

2. Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại – dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh:

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh đăng ký của Công ty là:

- Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt;
- Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống);
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan;
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính;

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Không có đặc điểm nào thay đổi có ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty trong kỳ.

6. Cấu trúc Tập đoàn

a. Công ty con

- Tổng số các Công ty con : 06 công ty con
  + Số lượng Công ty con được hợp nhất : 06 công ty con
  + Số lượng Công ty con không được hợp nhất : 0 công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Danh sách các Công ty con được hợp nhất					
Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ	Lô B1 đường C2, KCN Cát Lái 2, P. Cát Lái, Tp. Hồ Chí Minh.	96,00%	96,00%	96,00%	96,00%
Ngành nghề kinh doanh chính: Đại lý ô tô					
Công ty Cổ phần Ô tô Nha Trang	51 Lê Hồng Phong, Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hoà.	52,00%	52,00%	52,00%	52,00%
Ngành nghề kinh doanh chính: Đại lý ô tô					
Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh	682A Trường Chinh, P. Tân Bình, Tp. HCM.	96,52%	96,52%	96,52%	96,52%
Ngành nghề kinh doanh chính: Đại lý ô tô					
Công ty Cổ phần Auto Tân Thuận	Lô DVTM-08 và Lô DVTM-11, Đường số 7, KCX Tân Thuận, Phường Tân Thuận, Tp. Hồ Chí Minh.	90,00%	90,00%	90,00%	90,00%
Ngành nghề kinh doanh chính: Đại lý ô tô					
Công ty Cổ phần Ô tô Phú Yên	Thôn Đông Phước, Phường Tuy Hoà, Tỉnh Đắk Lắk.	70,20%	70,20%	70,20%	70,20%
Ngành nghề kinh doanh chính: Đại lý ô tô					
Công ty Cổ phần VW Tân Thuận	Lô DVTM-08 Đường Số 7, KCX Tân Thuận, Phường Tân Thuận, Tp. Hồ Chí Minh.	99,00%	99,00%	99,00%	99,00%
Ngành nghề kinh doanh chính: Đại lý ô tô					
Danh sách các Công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu					
Công ty Cổ phần Auto Dĩ An - Bình Dương	28 ĐT 743, Phường Dĩ An, Thành Phố Hồ Chí Minh.	20,00%	20,00%	20,00%	20,00%
Ngành nghề kinh doanh chính: Đại lý ô tô					

- Thông tin về tái cấu trúc tập đoàn: Không có
- Những sự kiện ảnh hưởng quan trọng đến hoạt động kinh doanh của Tập đoàn trong kỳ kế toán: Không có.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán
Niên độ kế toán của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

1. Chế độ kế toán

Tập đoàn áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT/BTC ngày 27/10/2025, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 43/2026/TT-BTC ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tập đoàn đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Tập đoàn tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi còn lại không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

c. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải theo dõi chi tiết theo nguyên tệ và phải được quy đổi ra đồng Việt Nam. Khoản thấu chi ngân hàng được phản ánh tương tự như khoản vay ngân hàng.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Tập đoàn đánh giá lại số dư ngoại tệ theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết và có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động, nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của công ty đó. Khi Công ty không còn nắm giữ quyền kiểm soát công ty con thì ghi giảm khoản đầu tư vào công ty con. Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận khi Công ty nắm giữ từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của các công ty được đầu tư, có ảnh hưởng đáng kể trong các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động tại các công ty này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó không được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của các nhà đầu tư trong tài sản thuần của bên nhận đầu tư. Giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết được trích lập khi doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn hoặc khi giá trị các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên

doanh, liên kết bị suy giảm giá trị. Căn cứ để trích lập dự phòng tổn thất đầu tư là báo cáo tài chính của công ty được đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm tài chính.

Dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được lập vào cuối năm tài chính khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính dựa trên giá trị thị trường nếu giá trị thị trường được xác định một cách tin cậy. Nếu giá trị thị trường không thể được xác định một cách tin cậy, dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính dựa trên khoản lỗ của bên được đầu tư.

Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm tài chính. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tập đoàn.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu khách hàng: các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán giữa Công ty và người mua như bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý / nhượng bán tài sản, tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;

- Phải thu nội bộ: các khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;

- Phải thu khác: các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua-bán

Phân loại các khoản phải thu khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ (trừ các khoản trả trước cho người bán; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc người bán không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải nhận lại các khoản trả trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi các khoản nợ phải thu khó đòi được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ. Đối với những khoản phải thu khó đòi kéo dài trong nhiều năm mà Công ty đã cố gắng dùng mọi biện pháp để thu nợ nhưng vẫn không thu được nợ và xác định khách nợ thực sự không có khả năng thanh toán thì Công ty có thể phải làm các thủ tục bán nợ cho Công ty mua, bán nợ hoặc xóa những khoản nợ phải thu khó đòi trên sổ kế toán (thực hiện theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty).

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu

có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

a. Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Tập đoàn tính giá trị hàng tồn kho theo phương pháp bình quân gia quyền. Riêng đối với hàng hoá là các loại xe ô tô, giá xuất được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

b. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

c. Dự phòng cho hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

5. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với qui định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính về việc ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian sử dụng ước tính của các tài sản cho mục đích tính toán này như sau:

Loại tài sản	**Số năm**
Nhà cửa, vật kiến trúc	03 – 30
Máy móc, thiết bị	05 – 06
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

6. Tài sản cố định thuê tài chính và khấu hao

Tài sản cố định thuê tài chính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của TSCĐ thuê tài chính được ghi nhận bằng giá trị hợp lý của tài sản thuê hoặc là giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính.

Công ty thực hiện tính, trích khấu hao tài sản cố định vào chi phí sản xuất, kinh doanh theo định kỳ trên cơ sở áp dụng chính sách khấu hao nhất quán với chính sách khấu hao của tài sản cùng loại thuộc sở hữu của mình. Nếu không chắc chắn là Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản thuê khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản thuê sẽ được khấu hao theo thời hạn thuê nếu thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của tài sản thuê.

7. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận ban đầu theo giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Quyền sử dụng đất lâu dài không trích khấu hao.

Phần mềm vi tính

Phần mềm vi tính được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 03 – 05 năm.

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

9. Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí chờ phân bổ được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian phù hợp với thời gian tạo ra lợi ích kinh tế tương ứng. Chi phí chờ phân bổ dài hạn không được tái phân loại thành chi phí chờ phân bổ ngắn hạn khi lập Báo cáo tài chính.

Các khoản chi phí chờ phân bổ được theo dõi theo từng kỳ hạn đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí chờ phân bổ khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Chi phí chờ phân bổ để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn.

- Chi phí chờ phân bổ để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

10. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo thời hạn thanh toán còn lại của các khoản phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tập đoàn.

Việc phân loại các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán: các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;

- Phải trả nội bộ: các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;

- Phải trả khác: các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Phân loại các khoản phải trả khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ (trừ các khoản người mua trả tiền trước; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc Công ty không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải trả lại các khoản nhận trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

11. Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai không phản ánh vào khoản mục này.
Các khoản vay, nợ cần được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, từng khế ước và từng loại tài sản vay nợ. Các khoản nợ thuê tài chính được phản ánh theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

Phân loại các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính:
- Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính được phân loại là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.
- Các khoản có thời gian trả nợ trên 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính được phân loại là vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản vay, nợ thuê tài chính có gốc ngoại tệ theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Việc trích trước chi phí phải trả phải được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

13. Tiền lương và các khoản trích theo lương

Tiền lương được tính và trích lập trong chi phí trong kỳ theo hợp đồng lao động. Công ty trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn dựa trên lương hợp đồng theo tỷ lệ quy định.

14. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý và phân phối theo quy định tại điều lệ Công ty.

Phân chia lợi nhuận:

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức được ghi nhận như một khoản phải trả trên báo cáo tài chính sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và được công bố bởi Hội đồng quản trị của Công ty.

15. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

a. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của hàng hóa cho người mua;
b) Công ty không còn nắm quyền quản lý như người sở hữu hàng hóa cũng như quyền kiểm soát hàng hóa;
c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
d) Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này; và
e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi thoả mãn đồng thời các điều kiện sau:

a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
b) Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo;
d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

c. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu tài chính bao gồm các khoản thu nhập từ hoạt động tài chính của doanh nghiệp, chẳng hạn như:

- Lãi từ các khoản tiền gửi, cho vay
- Chênh lệch tỷ giá
- Lãi từ đầu tư vào công cụ tài chính
- Cổ tức từ các khoản đầu tư
- Lãi từ việc đầu tư vào chứng khoán hoặc tài sản tài chính khác.
- Thu nhập từ các khoản đầu tư tài chính mà doanh nghiệp thực hiện.

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn 2 điều kiện:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.

d. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quà biếu, tặng bằng tiền, hiện vật ...

16. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp.

17. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là các khoản chi phí mà doanh nghiệp phải trả liên quan đến hoạt động tài chính, bao gồm:

- Chi phí doanh nghiệp phải trả cho các khoản vay, bao gồm lãi vay ngân hàng, lãi vay từ các tổ chức tín dụng hoặc các khoản vay từ bên ngoài khác.
- Chênh lệch tỷ giá
- Chi phí bảo hiểm liên quan đến tài sản, công cụ tài chính mà doanh nghiệp đang sử dụng.
- Chi phí phát hành cổ phiếu, trái phiếu hoặc các công cụ tài chính khác.
- Chi phí khác liên quan đến tài chính.

Chi phí tài chính phải được ghi nhận vào thời điểm phát sinh, tức là khi có sự cam kết hoặc khi doanh nghiệp thực hiện nghĩa vụ tài chính. Các chi phí tài chính phải được ghi nhận dồn tích vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

18. Ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh và tương xứng với doanh thu.

19. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

20. Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty xác định rằng, việc ra các quyết định quản lý của Công ty chủ yếu dựa trên các loại sản phẩm, dịch vụ mà Công ty cung cấp chứ không dựa trên khu vực địa lý mà công ty cung cấp sản phẩm, dịch vụ. Do vậy báo cáo chính yếu của Công ty là theo lĩnh vực kinh doanh.

Việc áp dụng được thực hiện theo chuẩn mực kế toán số 28 và thông tư số 20/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài Chính.

21. Xác định giá trị hợp lý khi lập Báo cáo tài chính

Công ty không thực hiện xác định giá trị hợp lý do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính và các văn bản hiện hành chưa có hướng dẫn về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và các công cụ nợ tài chính.

22. Thuế

Công ty hạch toán và kê khai phát sinh về thuế theo chứng từ, hoá đơn phát sinh trong kỳ;

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả của năm hiện tại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định nghĩa vụ thuế phải nộp đối với từng loại thuế của Công ty được áp dụng theo luật thuế đối với từng loại thuế và Luật quản lý thuế, số thuế phải nộp cuối cùng sẽ được Cơ Quan thuế quyết định khi kiểm tra quyết toán thuế tại Công ty.

23. Phương pháp lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất

Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tình hình tài chính của Công ty mẹ và Công ty con theo từng khoản mục bằng cách cộng các khoản mục tương đương của tài sản, nợ phải trả, vốn chủ sở hữu theo nguyên tắc:

- Đối với các khoản mục không phải điều chỉnh thì được cộng trực tiếp để xác định khoản mục tương đương của Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

- Đối với các khoản mục phải điều chỉnh được thực hiện điều chỉnh sau đó mới cộng để hợp nhất các khoản mục này và trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các chỉ tiêu đã được điều chỉnh liên quan đến Bảng cân đối kế toán hợp nhất của Tập đoàn gồm:

+ Các khoản đầu tư của Công ty mẹ vào Công ty con;

+ Lợi ích của cổ đông không kiểm soát;

+ Các khoản phải thu, phải trả giữa Công ty mẹ với Công ty con;

+ Các khoản lãi, lỗ chưa thực sự phát sinh từ các giao dịch nội bộ.

Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất các Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ và Công ty con theo từng khoản mục bằng cách cộng các khoản mục tương đương theo nguyên tắc:

- Đối với các khoản mục không phải điều chỉnh thì được cộng trực tiếp để xác định khoản mục tương đương của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

- Đối với các khoản mục phải điều chỉnh được thực hiện điều chỉnh sau đó mới cộng để hợp nhất và trình bày Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Các chỉ tiêu đã được điều chỉnh liên quan đến hợp nhất Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của gồm:

+ Doanh thu bán hàng, giá vốn hàng bán giữa Công ty mẹ và Công ty con;

+ Doanh thu hoạt động tài chính, chi phí hoạt động tài chính giữa Công ty mẹ và Công ty con;

+ Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp;

+ Các khoản lãi, lỗ chưa thực sự phát sinh từ các giao dịch nội bộ giữa Công ty mẹ và Công ty con.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	**1.542.954.660**	**3.189.247.874**
VND	1.542.954.660	3.189.247.874
Tiền gửi không kỳ hạn	**35.984.900.363**	**94.577.966.724**
VND	35.984.900.363	94.577.966.724
Tiền đang chuyển	**250.000.000**	-
VND	250.000.000	-
Các khoản tương đương tiền	**62.043.080.000**	**67.750.000.000**
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	62.043.080.000	67.750.000.000
Cộng	**99.820.935.023**	**165.517.214.598**

2. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Thành Đô	168.465.309.944	-	350.886.842.678	-
- Đối tượng khác	560.549.691.428	-	567.006.778.384	-
Cộng	**729.015.001.372**	**-**	**917.893.621.062**	**-**

Trong đó, phải thu khách hàng là các bên liên quan: chi tiết tại Thuyết minh số VII.01

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

3. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
- Công ty TNHH Minh Long	102.911.062.654	-	105.316.735.795	-
- Công ty TNHH Trend Motor Việt Nam	147.002.411.432	-	184.593.763.200	-
- Công ty cổ phần Tập đoàn Tân Thành Đô	61.414.302.408	-	35.587.880.504	-
- Đối tượng khác	21.691.735.224	-	40.991.454.226	-
Cộng	**333.019.511.718**	-	**366.489.833.725**	-

4. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Ngắn hạn	**582.477.510.061**	-	**416.209.863.200**	-
- Phải thu hỗ trợ từ nhà cung cấp chính	61.316.722.587	-	80.829.184.404	-
- Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Dason	99.800.000.000	-	99.800.000.000	-
- Ký cược, ký quỹ khác	10.845.926.235	-	24.299.018.836	-
- Công ty cổ phần Tập đoàn Tân Thành Đô	224.025.119.325	-	47.411.853.064	-
- Tạm ứng cho nhân viên	13.265.312.823	-	17.651.952.064	-
- Phải thu khác ông Lê Công Tâm	25.610.463.931	-	26.904.431.470	-
- Công ty TNHH Minh Long	41.145.473.180	-	59.360.249.504	-
- Công ty TNHH Trend Motor Việt Nam	33.760.549.314	-	23.426.940.674	-
- Phải thu ngắn hạn khác	72.707.942.666	-	36.526.233.184	-
Dài hạn	**330.254.154.987**	-	**311.679.244.367**	-
- Ký quỹ cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Thành Đô	283.921.000.000	-	226.082.000.000	-
- Ký cược, ký quỹ khác	20.548.464.343	-	60.431.583.293	-
- Phải thu dài hạn khác	25.784.690.644	-	25.165.661.074	-
Cộng	**912.731.665.048**	-	**727.889.107.567**	-

Trong đó, phải thu khác là các bên liên quan: chi tiết tại Thuyết minh số VII.01

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

5. TÀI SẢN THIẾU CHỜ XỬ LÝ

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
		VND		VND
- Hàng tồn kho tại kho HCM	-	99.197.368	-	99.197.368
- Hàng tồn kho tại kho Vũng Tàu	-	1.430.660	-	-
Cộng		**100.628.028**		**99.197.368**

6. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công cụ, dụng cụ	3.204.356.176	-	1.160.412.520	-
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	14.456.049.501	-	13.473.068.682	-
- Hàng hoá	929.161.891.290	(4.309.618.594)	870.904.699.992	(4.309.618.594)
Cộng	**946.822.296.967**	**(4.309.618.594)**	**885.538.181.194**	**(4.309.618.594)**

Chi tiết hàng hoá tồn kho:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Xe các loại	839.665.786.659	-	776.736.719.777	-
- Phụ tùng, phụ kiện	89.496.104.631	(4.309.618.594)	94.167.980.215	(4.309.618.594)
Cộng	**929.161.891.290**	**(4.309.618.594)**	**870.904.699.992**	**(4.309.618.594)**

Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ: không có
Hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản vay tại thời điểm cuối kỳ chi tiết tại Thuyết minh V.19.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

7. CHI PHÍ CHỜ PHÂN BỔ

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Ngắn hạn	**8.113.900.691**	**7.873.046.360**
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	2.071.206.124	2.494.615.092
- Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn khác	6.042.694.567	5.378.431.268
Dài hạn	**14.160.510.091**	**16.527.342.895**
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	6.076.208.958	8.168.234.765
- Chi phí chờ phân bổ dài hạn khác	8.084.301.133	8.359.108.130
Cộng	**22.274.410.782**	**24.400.389.255**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2026	**83.920.875.580**	**52.608.129.693**	**78.074.862.357**	**3.148.486.140**	**287.334.000**	**218.039.687.770**
Tăng trong kỳ	**856.993.833**	**72.685.185**	**14.244.382.181**	-	-	**15.174.061.199**
Mua trong kỳ	856.993.833	72.685.185	14.244.382.181	-	-	**15.174.061.199**
Giảm trong kỳ	-	**367.749.490**	**17.570.752.012**	-	-	**17.938.501.502**
Thanh lý, nhượng bán	-	367.749.490	17.570.752.012	-	-	**17.938.501.502**
Tại ngày 30/06/2026	**84.777.869.413**	**52.313.065.388**	**74.748.492.526**	**3.148.486.140**	**287.334.000**	**215.275.247.467**
GIÁ TRỊ KHẤU HAO LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2026	**31.468.361.220**	**38.141.933.698**	**17.263.848.041**	**1.863.719.532**	**287.334.000**	**89.025.196.491**
Tăng trong kỳ	**2.961.129.912**	**1.731.121.761**	**5.868.338.425**	**192.086.048**	-	**10.752.676.146**
Khấu hao trong kỳ	2.961.129.912	1.731.121.761	5.868.338.425	192.086.048	-	**10.752.676.146**
Giảm trong kỳ	-	**367.749.490**	**7.068.293.463**	-	-	**7.436.042.953**
Thanh lý, nhượng bán	-	367.749.490	7.068.293.463	-	-	**7.436.042.953**
Tại ngày 30/06/2026	**34.429.491.132**	**39.505.305.969**	**16.063.893.003**	**2.055.805.580**	**287.334.000**	**92.341.829.684**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2026	**52.452.514.360**	**14.466.195.995**	**60.811.014.316**	**1.284.766.608**	-	**129.014.491.279**
Tại ngày 30/06/2026	**50.348.378.281**	**12.807.759.419**	**58.684.599.523**	**1.092.680.560**	-	**122.933.417.783**

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 66.897.906.580 VND.

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 46.381.997.355 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc, thiết bị	Cộng
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2026	**6.137.445.000**	**6.137.445.000**
Tại ngày 30/06/2026	**6.137.445.000**	**6.137.445.000**
GIÁ TRỊ KHẤU HAO LŨY KẾ		
Tại ngày 01/01/2026	**1.355.064.841**	**1.355.064.841**
Khấu hao trong kỳ	378.031.032	**378.031.032**
Tại ngày 30/06/2026	**1.733.095.873**	**1.733.095.873**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2026	**4.782.380.159**	**4.782.380.159**
Tại ngày 30/06/2026	**4.404.349.127**	**4.404.349.127**

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm	Cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2026	**101.945.275.724**	**6.206.661.822**	**108.151.937.546**
Tại ngày 30/06/2026	**101.945.275.724**	**6.206.661.822**	**108.151.937.546**
GIÁ TRỊ KHẤU HAO LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2026	-	**4.241.964.544**	**4.241.964.544**
Khấu hao trong kỳ	-	376.448.063	**376.448.063**
Tại ngày 30/06/2026	-	**4.618.412.607**	**4.618.412.607**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2026	**101.945.275.724**	**1.964.697.278**	**103.909.973.002**
Tại ngày 30/06/2026	**101.945.275.724**	**1.588.249.215**	**103.533.524.939**

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 101.945.275.724 VND.

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 2.878.030.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

- Danh mục các tài sản cố định vô hình đang hiện hữu có giá trị từ 10% tổng giá trị tài sản cố định vô hình trở lên:

	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
	VND	VND	VND
Tên tài sản			
- Quyền sử dụng đất tại 431 Nguyễn Xí, phường 11, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh	84.022.474.623	-	**84.022.474.623**
Cộng	**84.022.474.623**	-	**84.022.474.623**

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Giá gốc	Giá gốc
	VND	VND
- Mua sắm tài sản cố định	1.019.905.455	-
- Chi phí xây dựng showroom	1.724.491.448	1.282.672.448
Cộng	**2.744.396.903**	**1.282.672.448**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	**217.600.791.651**	**228.000.791.651**	-	**207.527.389.827**	**207.527.389.827**	-
- Tiền gửi có kỳ hạn	10.400.000.000	10.400.000.000	-	10.400.000.000	10.400.000.000	-
+ Kỳ hạn trên 3 tháng dưới 1 năm (a1)	*10.400.000.000*	*10.400.000.000*	-	*10.400.000.000*	*10.400.000.000*	-
- Các khoản cho vay	207.200.791.651	207.200.791.651	-	197.127.389.827	197.127.389.827	-
+ Lê Uyên Thy (a2)	*4.000.000.000*	*4.000.000.000*	-	-	-	-
+ Công ty CP VF An Sương (a3)	*19.980.602.473*	*19.980.602.473*	-	*22.980.602.470*	*22.980.602.470*	-
+ Công ty cổ phần BĐS Bảo Long (a4)	*27.000.000.000*	*27.000.000.000*	-	*27.146.787.357*	*27.146.787.357*	-
+ Công Ty Cổ Phần Daf Group (a5)	*156.220.189.178*	*156.220.189.178*	-	*147.000.000.000*	*147.000.000.000*	-
Dài hạn	**59.890.000.000**	**59.890.000.000**	-	**59.890.000.000**	**59.890.000.000**	-
- Các khoản cho vay	59.890.000.000	*59.890.000.000*	-	59.890.000.000	59.890.000.000	-
+ Công ty Cổ phần BĐS Bảo Long (a6)	*59.890.000.000*	*59.890.000.000*	-	*59.890.000.000*	*59.890.000.000*	-
Cộng	**277.490.791.651**	**287.890.791.651**	-	**267.417.389.827**	**267.417.389.827**	-

(a1) Khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng Ngân Hàng Bangkok Đại Chúng Trách Nhiệm Hữu Hạn của **Công ty Cổ phần City Auto**, thời hạn 1 năm, lãi suất 4%/năm.

(a2) Khoản tiền cho vay theo Hợp đồng vay tiền số 001/2024/HĐVT ngày 01/01/2024 giữa **Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ** và Lê Uyên Thy, với hạn mức cho vay là 4.000.000.000 đồng, lãi suất cho vay 10%/năm, thời hạn cho vay đến hết ngày 31/12/2026.

(a3) Khoản tiền hợp tác kinh doanh theo Hợp đồng số 02/HTKD/VFAS-TC ngày 31/12/2025 giữa **Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh** và Công ty Cổ phần VF An Sương, với số tiền 26.831.600.430 đồng, mục đích thúc đẩy các hoạt động kinh doanh và khai thác kinh doanh buôn bán xe ô tô và xe có động cơ và các dịch vụ liên quan khác, lãi suất 9,5%/năm, thời hạn 1 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

(a4) Khoản tiền hợp tác kinh doanh theo Hợp đồng số 01/HTKD/BDSBL-TC ngày 01/03/2026 giữa **Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh** và Công ty Cổ phần Bất động sản Bảo Long, với số tiền 27.000.000.000 đồng, mục đích thúc đẩy các hoạt động kinh doanh và khai thác kinh doanh buôn bán xe ô tô và xe có động cơ và các dịch vụ liên quan khác, lãi suất 9,5%/năm, thời hạn 1 năm

(a5) Khoản cho vay theo hợp đồng số 02/2026 ngày 01/01/2026 giữa **Công ty Cổ phần City Auto** và Công ty Cổ phần Daf Group. Thời hạn 01 năm. Lãi suất 15%/năm. Mục đích cho vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh.

(a6) Khoản đầu tư theo hợp đồng ủy thác đầu tư số 1012/2024-HĐUTĐT/VTT-BLC ngày 10/12/2024 giữa **Công ty Cổ phần VW Tân Thuận** và Công ty Cổ phần Bất động sản Bảo Long. Số tiền mà bên Công ty Cổ phần VW Tân Thuận ủy thác đầu tư là 59.890.000.000 đồng. thời hạn ủy thác: 84 tháng kể từ ngày chuyển tiền ủy thác đầu tư; tỷ lệ lợi nhuận sẽ được xác định hàng năm; vốn ủy thác sẽ được hoàn trả khi kết thúc hợp đồng.

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá trị ghi sổ	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	**26.218.958.828**	**26.218.958.828**	-	**26.137.637.972**	**26.137.637.972**	-
- Công ty Cổ phần Auto Dĩ An - Bình Dương (b1)	26.218.958.828	26.218.958.828	-	26.137.637.972	26.137.637.972	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	**271.950.000.000**	**271.733.365.233**	**(216.634.767)**	**245.550.000.000**	**245.333.365.233**	**(216.634.767)**
- Công ty Cổ phần Dasonmotors (b2)	84.200.000.000	83.983.365.233	(216.634.767)	84.200.000.000	83.983.365.233	(216.634.767)
- Công ty Cổ phần Golf biển Cửa Lò (b3)	105.000.000.000	105.000.000.000	-	78.600.000.000	78.600.000.000	
- Công ty TNHH Minh Long (b4)	54.000.000.000	54.000.000.000	-	54.000.000.000	54.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần New City Rent A Car (b5)	28.750.000.000	28.750.000.000	-	28.750.000.000	28.750.000.000	-
Cộng	**298.168.958.828**	**297.952.324.061**	**(216.634.767)**	**271.687.637.972**	**271.471.003.205**	**(216.634.767)**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

(b1) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3703115592, **Công ty Cổ phần City Auto** đầu tư vào Công ty Cổ phần Auto Dĩ An – Bình Dương số tiền 26.000.000.000 đồng, tương ứng với 2.600.000 cổ phần, chiếm 20,00% vốn điều lệ.

(b2) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0317908538, **Công ty Cổ phần City Auto** đầu tư vào Công ty Cổ phần Dasonmotors số tiền 84.200.000.000 đồng, tương ứng với 8.420.000 cổ phần, chiếm 8,25% vốn điều lệ.

(b3) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2900771584, **Công ty Cổ phần City Auto** đầu tư vào Công ty Cổ phần Golf Biển Cửa Lò số tiền 105.000.000.000 đồng, tương ứng với 3.500.000 cổ phần, chiếm 5,09% vốn điều lệ

(b4) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302706401, **Công ty Cổ phần City Auto** đầu tư vào Công ty TNHH Minh Long số tiền 54.000.000.000 đồng, chiếm 18,00% vốn điều lệ

(b5) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0315125524, **Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh** đầu tư vào Công ty Cổ phần New City Rent A Car số tiền 28.750.000.000 đồng, tương ứng với 1.150.000 cổ phần, chiếm 11,50% vốn điều lệ

Các công ty đang hoạt động kinh doanh bình thường.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

13. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
- Lợi thế thương mại phát sinh khi hợp nhất	141.527.923.950	141.527.923.950
- Lợi thế thương mại đã phân bổ	85.550.344.765	78.473.948.563
Cộng	**55.977.579.185**	**63.053.975.387**

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Giá trị	Giá trị
	VND	VND
- Công ty CP liên doanh ô tô Hyundai Thành Công Việt Nam	17.927.411.523	26.786.060.213
- Công ty Cổ phần Auto Dĩ An - Bình Dương	146.073.097.481	23.713.055.978
- Công ty TNHH Trend Motor Việt Nam	108.324.946.058	3.793.302.926
- Đối tượng khác	163.015.717.472	101.006.197.309
Cộng	**435.341.172.534**	**155.298.616.426**

Trong đó, phải trả người bán là các bên liên quan: chi tiết tại Thuyết minh số VII.01

15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Ngắn hạn		
- Công ty TNHH Ô tô VW Sài Gòn	3.098.006.546	20.839.686.602
- Đối tượng khác	27.983.071.066	51.313.911.364
Cộng	**31.081.077.612**	**72.153.597.966**

Trong đó, người mua trả tiền trước là các bên liên quan: chi tiết tại Thuyết minh số VII.01

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm		Trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải thu Nhà nước	Phải nộp Nhà nước	Số phải nộp	Số đã nộp/ khấu trừ	Phải thu Nhà nước	Phải nộp Nhà nước
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Thuế GTGT	25.583.617.803	4.172.125.777	365.666.032.460	380.197.958.461	38.082.305.087	2.138.887.060
- Thuế TNDN	160.187.281	12.472.832.000	3.696.367.935	14.882.985.871	1.986.287.890	3.112.314.673
- Thuế TNCN	13.524.975	679.114.971	2.358.074.832	2.219.028.455	100.374.345	905.010.718
- Các loại thuế khác	-	-	116.865.947	116.865.947	-	-
Cộng	**25.757.330.059**	**17.324.072.748**	**371.837.341.174**	**397.416.838.734**	**40.168.967.322**	**6.156.212.451**

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
- Chi phí đào tạo phải trả cho Công ty Ford Việt Nam	973.638.431	1.843.429.450
- Chi phí môi giới	353.292.499	409.482.309
- Chi phí phải trả ngắn hạn khác	15.983.946.763	12.554.951.629
Cộng	**17.310.877.693**	**14.807.863.388**

Trong đó, chi phí phải trả là các bên liên quan: chi tiết tại Thuyết minh số VII.01

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Ngắn hạn	**74.543.392.829**	**61.387.964.175**
- Tài sản thừa chờ giải quyết	698.877.235	696.700.105
- Kinh phí công đoàn, bảo hiểm bắt buộc	3.840.195.590	3.787.997.933
- Công ty cổ phần Tập đoàn Tân Thành Đô	5.169.077.500	2.583.668.800
- Phải trả ngắn hạn khác	64.835.242.504	54.319.597.337
Dài hạn	**34.550.000.000**	**5.950.000.000**
- Công ty TNHH Trend Motor Việt Nam	34.550.000.000	-
- Phải trả dài hạn khác	-	5.950.000.000
Cộng	**109.093.392.829**	**67.337.964.175**

Trong đó, phải trả khác là các bên liên quan: chi tiết tại Thuyết minh số VII.01

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

		Số cuối kỳ	Trong kỳ		Số đầu năm
		Giá trị/ Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị/ Số có khả năng trả nợ
		VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn		**2.026.319.495.493**	**3.216.002.763.126**	**3.431.772.991.601**	**2.274.844.475.866**
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	**(19.01)**	291.498.751.312	458.137.404.308	495.741.127.659	329.102.474.663
- Ngân hàng TMCP Quân Đội	**(19.02)**	152.373.117.117	264.836.803.152	288.107.419.724	175.643.733.689
- Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam	**(19.03)**	245.020.337.464	379.447.085.190	455.481.782.649	321.055.034.923
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	**(19.04)**	178.303.090.797	450.212.023.224	507.322.270.577	235.413.338.150
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam		-	-	388.722.180	388.722.180
- Ngân hàng TMCP Phương Đông	**(19.05)**	50.022.011.918	129.601.797.018	165.731.228.750	86.151.443.650
- Ngân hàng TMCP Phát Triển TP. HCM	**(19.06)**	9.867.469.600	15.630.386.000	21.616.381.600	15.853.465.200
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong	**(19.07)**	42.964.622.607	66.523.225.000	67.392.004.724	43.833.402.331
- Ngân hàng TMCP Thịnh Vượng và Phát Triển	**(19.08)**	196.038.380.406	303.935.474.871	269.170.323.703	161.273.229.238
- Ngân hàng TMCP Bảo Việt	**(19.09)**	23.336.901.000	29.814.855.000	53.134.954.000	46.657.000.000
- Ngân hàng Bangkok Đại Chúng TNHH	**(19.10)**	51.993.865.000	77.297.865.000	77.304.000.000	52.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	**(19.11)**	106.581.272.102	163.062.352.387	128.349.288.886	71.868.208.601
- Ngân hàng First Commercial Bank	**(19.12)**	100.000.000.000	100.000.000.000	100.000.000.000	100.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Á Châu	**(19.13)**	474.793.775.976	684.417.331.976	692.033.487.149	482.409.931.149
- Ngân hàng The Shanghai Commercial & Savings Bank, Ltd.	**(19.14)**	38.086.160.000	93.086.160.000	110.000.000.000	55.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả		*64.779.545.860*			*96.874.103.424*
Nợ thuê tài chính đến hạn trả		*660.194.334*			*1.320.388.668*

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

		Số cuối kỳ	Trong kỳ		Số đầu năm
		Giá trị/ Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị/ Số có khả năng trả nợ
		VND	VND	VND	VND
Vay dài hạn		**220.778.312.901**	**20.377.658.386**	**72.088.850.451**	**240.394.947.402**
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	**(19.01)**	15.091.000.000	-	18.561.400.000	33.652.400.000
- Ngân hàng TMCP Quân Đội	**(19.02)**	6.865.127.338	-	780.207.996	7.645.335.334
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	**(19.04)**	3.490.420.873	2.834.658.386	2.281.980.364	2.937.742.851
- Ngân hàng TMCP Phát Triển TP. HCM	**(19.06)**	1.021.672.000	632.000.000	2.068.212.000	2.457.884.000
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong	**(19.07)**	256.435.033.158	16.911.000.000	37.015.051.483	276.539.084.641
- Ngân hàng TMCP Thịnh Vượng và Phát Triển		-	-	95.000.000	95.000.000
- Ngân hàng TMCP Bảo Việt		-	-	10.800.388.000	10.800.388.000
- Ngân hàng TMCP Á Châu	**(19.13)**	2.654.605.392	-	486.610.608	3.141.216.000
Vay dài hạn đến hạn trả		*(64.779.545.860)*	-	-	*(96.874.103.424)*
Các khoản nợ thuê tài chính dài hạn		**1.100.323.878**	-	**660.194.334**	**1.100.323.878**
- Công ty Cho thuê Tài chính TNHH BIDV-SuMi TRUST	**(19.15)**	1.760.518.212	-	660.194.334	2.420.712.546
Nợ thuê tài chính đến hạn trả		*(660.194.334)*			*(1.320.388.668)*
Cộng		**2.248.198.132.272**	**3.236.380.421.512**	**3.504.522.036.386**	**2.516.339.747.146**

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(19.01) Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam:

Khoản vay ngắn hạn của **Công ty Cổ phần City Auto** theo hợp đồng cho vay theo hạn mức số 0246/KHDN/25/HMCV ngày 04/06/2025 và hợp đồng sửa đổi bổ sung 0246/KHDN/25/HMCV/SĐ01 gia hạn đến ngày 04/09/2026 với tổng hạn mức vay là 250 tỷ đồng, thời hạn vay cho từng khoản nợ không quá 04 tháng và lãi suất vay theo từng lần giải ngân. Mục đích vay: phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh nhưng không bao gồm nhu cầu ngắn hạn phục vụ cho các hoạt động đầu tư tài sản cố định. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này bao gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 431 Nguyễn Xí, phường 11, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh được quy định cụ thể tại hợp đồng thế chấp số 0246/KHDN/25/HĐBĐ ngày 29/05/2025

Khoản vay ngắn hạn của **Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh** theo hợp đồng cho vay theo hạn mức số 0357/KHDN/25/HMCV ngày 30/07/2025 với hạn mức cho vay là 100 tỷ đồng. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động. Thời hạn cấp hạn mức 12 tháng, thời hạn vay tối đa 4 tháng từ ngày giải ngân. Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ.

Khoản vay ngắn hạn của **Công ty Cổ phần Auto Bình Phước** theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 047K25 ngày 01/08/2025. Hạn mức cho vay là 150.000.000.000 VNĐ. Thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, không bao gồm nhu cầu ngắn hạn phục vụ cho hoạt động đầu tư tài sản cố định. Thời hạn vay tối đa 04 tháng. Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là hàng hóa xe ô tô thương hiệu Hyundai mới 100% phát sinh theo hợp đồng mua bán xe với Công ty CP Hyundai Thành Công Việt Nam. Thế chấp/ cầm cố tài sản là cổ phiếu bao gồm:

- 500.000 Cổ phiếu đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán của Công ty Cổ phần City Auto; Bên bảo đảm là Ông Trần Ngọc Dân; theo hợp đồng cầm cố số 279CC20 ngày 17/02/2021.
- 1.050.000 Cổ phiếu đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán của Công ty Cổ phần City Auto; Bên bảo đảm là Ông Trần Lâm; theo hợp đồng cầm cố số 025CC21/KHBB ngày 20/05/2021.
- Quyền đòi nợ đối với Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Thành Đô theo Hợp đồng thế chấp số 175TC25 ngày 01/08/2025.

Khoản vay ngắn hạn của **Công ty Cổ phần Ô tô Nha Trang** theo hợp đồng tín dụng số 2025/HDTD-NTF ngày 22/01/2025 kèm theo hợp đồng cho vay theo hạn mức số 2025/HMCV-NTF và thỏa thuận cấp bảo lãnh theo hạn mức 2025/HMBL-NTF ngày 22/01/2025 và các phụ lục gia hạn, với hạn mức tín dụng là 100 tỷ đồng. Mục đích vay: Tài trợ nhu cầu tín dụng ngắn hạn, hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của khách hàng nhưng không bao gồm nhu cầu ngắn hạn phục vụ cho hoạt động đầu tư tài sản cố định. Thời hạn hiệu lực của giới hạn cấp tín dụng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất cho vay theo từng giấy nhận nợ.

Tài sản đảm bảo:

- Hàng hóa xe ô tô Ford mới 100% theo hợp đồng bảo đảm số 2022/LX-NTF ngày 07/10/2022 và các phụ lục đính kèm.
- Tiền gửi ký quỹ theo quy định

Khoản vay ngắn hạn của **Công ty Cổ phần Auto Tân Thuận** theo hợp đồng cho vay hạn mức số 0549/KHDN/25/HMCV ngày 30/10/2025 kèm theo hợp đồng cấp tín dụng số 0249/KHDN/23 ngày 14/06/2023 bao gồm cả các phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có) tại từng thời điểm. Hạn mức cho vay không vượt quá: 150 tỷ đồng; Mục đích sử dụng vốn vay: tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh; Thời hạn duy trì hạn mức cho vay: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng; Thời hạn cho vay: từ 04 đến 06 tháng, được ghi trên từng khế ước nhận nợ; Lãi suất: quy định tại từng khế ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

- Tài sản thuộc sở hữu của ông Trần Quang Trí và bà Đinh Đào Giao Thoại Khanh:
  - Quyền sở hữu căn hộ chung cư số LP-34.16 thuộc tòa nhà Landmark Plus, số 702A Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh.
  - Quyền sử dụng đất và nhà ở tại địa chỉ 429/19 Điện Biên Phủ, phường 25, quận Bình Thạnh.
  - Quyền sử dụng đất và nhà ở tại địa chỉ 378/26 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường 25, quận Bình Thạnh.
  - Quyền sử dụng đất, quyền sử dụng nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại địa chỉ Một phần nhà 2A đường số 5, khu phố 5, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức (nay là thành phố Thủ Đức).
- Lô xe ô tô Ford mới 100%
- Toàn bộ xe ô tô mới 100% đã hình thành hoặc hình thành trong tương lai từ nguồn vốn Ngân hàng cấp tín dụng và/ hoặc sẽ được để tại Showroom Lô DVTM-08 và Lô DVTM-11, Đường số 7, KCX Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, quận 7, TPHCM.

Khoản vay ngắn hạn của **Công ty Cổ phần Auto Tân Thuận** theo Hợp đồng cấp Tín dụng số 0181/KHDN/25/HMCV ngày 30/06/2025 và các hợp đồng sửa đổi, bổ sung, gia hạn. Hạn mức cho vay là 70.000.000.000 đồng. Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng. Thời hạn vay, lãi suất, mục đích vay theo từng Hợp đồng vay được lập kèm theo. Tài sản đảm bảo:

- Cổ phiếu của công ty cổ phần City Auto (CTF) được niêm yết trên sàn chứng khoán HOSE thuộc sở hữu của bên thứ 3;
- Hàng tồn kho luân chuyển hình thành từ vốn vay Ngân hàng Vietcombank theo Hợp đồng thế chấp số 0206/KHDN/24/HĐBĐ ký ngày 08/5/2024 giữa Ngân hàng và Khách hàng.
- Số dư tiền gửi trên tài khoản thanh toán theo Hợp đồng cầm cố số 0207/KHDN/24/HĐCC ký ngày 08/5/2024 giữa Ngân hàng và Ông Trần Quang Trí.
- Số dư tiền gửi trên tài khoản thanh toán theo Hợp đồng cầm cố số 0208/KHDN/24/HĐCC ký ngày 08/5/2024 giữa Ngân hàng và Ông Lê Nguyễn Hồ.

Khoản vay dài hạn của **Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh** theo Hợp đồng cấp tín dụng số 0269/KHDN/20 ngày 03/11/2020 cùng các hợp đồng sửa đổi, bổ sung kèm theo và Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 0270/KHDN/20/TLDH ngày 03/11/2020, số tiền vay là 50 tỷ đồng, thời hạn vay: 84 tháng. Mục đích vay: để thanh toán chi phí trả trước dài hạn là tiền thuê mặt bằng kinh doanh (showroom). Lãi suất vay theo thỏa thuận tại thời điểm nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho hợp đồng này bao gồm:

- Hàng hóa xe ô tô thương hiệu Hyundai mới 100%, tài sản là hàng hóa tồn kho, hàng hóa luân chuyển thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh.
- 2.756.911 cổ phiếu Công ty Cổ phần City Auto (CTF) thuộc sở hữu của ông Ngô Công Minh và bà Phạm Thị Ái Hạnh.
- 290.650 cổ phiếu Công ty Cổ phần City Auto (CTF) thuộc sở hữu của ông Nguyễn Đăng Hoàng và bà Nguyễn Thị Tố Trinh.
- Tiền gửi tại Ngân hàng trị giá 50.000.000 VNĐ.

Khoản vay dài hạn của **Công ty Cổ phần Ô tô Nha Trang** theo các hợp đồng tín dụng sau:

Hợp đồng cho vay từng lần trung hạn số 2024/XE-NTF ngày 16/10/2024; Số tiền vay: 830.000.000 đồng; Lãi suất: theo thỏa thuận tại thời điểm nhận nợ; Thời hạn vay: 36 tháng; Mục đích vay: thanh toán bù đắp chi phí đầu tư xe ô tô demo Ford Everest mới 100% (BKS 79A-295.25); Tài sản đảm bảo: xe ô tô Ford Everest, BKS 79A-295.25.

Hợp đồng cho vay từng lần trung hạn số 2025/NTF-2XE ngày 21/08/2025; Số tiền vay: 1.058.000.000 đồng; Lãi suất: theo thỏa thuận tại thời điểm nhận nợ; Thời hạn vay: 36 tháng; Mục đích vay: thanh toán bù đắp chi phí đầu tư xe ô tô demo Ford Everest mới 100% (BKS 79C-196.00 và BKS 79A-433.47); Tài sản đảm bảo: xe ô tô Ford Everest, BKS 79C-196.00 và BKS 79A-433.47.

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Khoản vay dài hạn của **Công ty Cổ phần VW Tân Thuận** theo Hợp đồng cấp Tín dụng số 0204/KHDN/24 ngày 28/05/2024 với các điều khoản sau: Hạn mức cho vay là 35.000.000.000 đồng. Thời hạn duy trì hạn mức: 60 tháng. Thời hạn vay, lãi suất, mục đích vay theo từng Hợp đồng vay được lập kèm theo. Tài sản đảm bảo:

- Cổ phiếu của Công ty Cổ phần City Auto (CTF) được niêm yết trên sàn chứng khoán HOSE thuộc sở hữu của bên thứ 3;
- Hàng tồn kho luân chuyển hình thành từ vốn vay Ngân hàng Vietcombank theo Hợp đồng thế chấp số 0206/KHDN/24/HĐBĐ ký ngày 08/05/2024.
- Số dư tiền gửi trên tài khoản thanh toán theo Hợp đồng cầm cố số 0207/KHDN/24/HĐCC ký ngày 08/05/2024 giữa Ngân hàng và Ông Trần Quang Trí.
- Số dư tiền gửi trên tài khoản thanh toán theo Hợp đồng cầm cố số 0208/KHDN/24/HĐCC ký ngày 08/05/2024 giữa Ngân hàng và Ông Lê Nguyễn Hồ.

(19.02) Ngân hàng TMCP Quân Đội:

Khoản vay ngắn hạn của **Công ty Cổ phần Ô tô Nha Trang** theo Hợp đồng cấp tín dụng số 333274.25.800.3053748.TD ngày 08/09/2025; Hạn mức tín dụng: 53 tỷ đồng; Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh; Thời hạn duy trì hạn mức tín dụng: đến ngày 07/09/2026; Lãi suất vay: theo Khế ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo: Thực hiện theo các hợp đồng cầm cố, thế chấp, bảo lãnh, ký quỹ và các thỏa thuận khác được giao kết với Ngân hàng.

Khoản vay ngắn hạn của **Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ** theo Hợp đồng tín dụng số 305149.25.102.2520244.TD ngày 03/06/2025 và các phụ lục gia hạn với các điều khoản sau: Hạn mức tín dụng: 60.000.000.000 đồng; Mục đích vay: bổ sung vốn để kinh doanh xe ô tô thương hiệu Ford; Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng; Thời hạn cho vay: theo từng lần nhận nợ và tối đa không quá 05 tháng từ ngày giải ngân; Lãi suất vay: theo từng lần giải ngân; Tài sản đảm bảo: xe ô tô nhãn hiệu Ford mới 100% hình thành từ vốn vay;

Khoản vay ngắn hạn của **Công ty Cổ phần Auto Tân Thuận** theo hợp đồng tín dụng 345885.25.160.31238658.TD ngày 22/10/2025 cụ thể như sau: Hạn mức vay: 50 tỷ; Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động; Thời hạn duy trì hạn mức tín dụng: kể từ ngày giao kết hợp đồng này đến hết ngày 30/9/2026; Thời hạn vay: 5 tháng; Lãi suất: Được quy định cụ thể tại từng giấy nhận nợ; Tài sản bảo đảm: Hàng hóa là xe Ford mới 100%.

Khoản vay ngắn hạn của **Công ty Cổ phần VW Tân Thuận** theo hợp đồng Tín dụng số 290568.25.160.29341005.TD ngày 03/04/2025 và các phụ lục gia hạn. Hạn mức cho vay là 100.000.000.000 đồng. Thời hạn duy trì hạn mức 12 tháng. Thời hạn vay theo từng lần nhận nợ và không quá 05 tháng. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh xe ô tô nhãn hiệu Volkswagen. Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo:

- Lô xe ô tô mới hình thành trong tương lai nhãn hiệu Volkswagen (mới 100%) được mua trực tiếp từ Công ty TNHH Trend Motor Việt Nam;
- Xe ô tô mới tồn kho nhãn hiệu Volkswagen (mới 100%), có Thời hạn xe không quá 12 tháng;
- Giấy tờ có giá do Ngân hàng phát hành, bất động sản và phương tiện vận tải thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của Khách hàng và/hoặc Bên thứ 3 có liên quan theo quy định của Ngân hàng;

Khoản vay dài hạn của **Công ty Cổ phần VW Tân Thuận** theo hợp đồng cho vay kiêm thế chấp ô tô số 352356.25.160.29341005.TD ngày 20/11/2025. Số tiền vay: 5.282.000.000 đồng, thời hạn vay: 60 tháng, mục đích vay: Mua xe ô tô; lãi suất linh hoạt theo từng khế ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo bao gồm:

- Xe ô tô Volkswagen Viloran Luxury số khung WVGZZZCAZPC529032 biển kiểm soát 51L-279.16

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

- Xe ô tô Volkswagen Viloran Luxury số khung LSVUW7CAXSN011460 biển kiểm soát 51M-704.45
- Xe ô tô Volkswagen Viloran Luxury số khung LSVSH7C63RN020878 biển kiểm soát 51M-706.63
- Các giấy tờ chứng minh quyền sở hữu khác (nếu có).

Khoản vay dài hạn của **Công ty Cổ phần VW Tân Thuận** theo hợp đồng cho vay kiêm thế chấp ô tô số 363119.25.160.29341005.TD ngày 16/12/2025. Số tiền vay: 3.488.320.000 đồng, thời hạn vay: 60 tháng, mục đích vay: Mua xe ô tô; lãi suất linh hoạt theo từng khế ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo bao gồm:

- Xe ô tô Volkswagen Viloran Luxury số khung WVWZZZCD8RW234557 biển kiểm soát 51L-481.42
- Xe ô tô Volkswagen Viloran Luxury số khung WVWZZZCD4RW234510 biển kiểm soát 51L-265.42
- Xe ô tô Volkswagen Viloran Luxury số khung WVWZZZCDXRW233135 biển kiểm soát 51M-784.48
- Các giấy tờ chứng minh quyền sở hữu khác (nếu có).

(19.03) Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam:

Khoản vay ngắn hạn của **Công ty Cổ phần City Auto** theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 90/2025/11402179/HĐTD ngày 10/12/2025 với tổng hạn mức là 180 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, phát hành L/C. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này được quy định tại hợp đồng thế chấp hàng hóa từng lần phát sinh là hàng hóa - xe ô tô Ford các loại hình thành từ vốn vay mới 100%.

Khoản vay ngắn hạn của **Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh** theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2026/8943817/HĐTD ngày 01/06/2026. Hạn mức tín dụng là 80 tỷ đồng, trong đó dư nợ vay tối đa là 50 tỷ đồng. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, mở L/C. Thời hạn cấp hạn mức 12 tháng nhưng không quá ngày 25/05/2027, thời hạn vay tối đa 4 tháng từ ngày giải ngân. Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là hàng hóa hình thành từ vốn vay theo Hợp đồng thế chấp từng lần phát sinh.

Khoản vay ngắn hạn của **Công ty Cổ phần Ô tô Nha Trang** theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 01/2025/9182489/HĐTD ngày 25/12/2025; Hạn mức tín dụng: 50 tỷ đồng; Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, phát hành L/C; Thời hạn duy trì hạn mức tín dụng: đến ngày 15/11/2026; Lãi suất vay: theo Khế ước nhận nợ; Tài sản đảm bảo: Hàng hóa, quyền đòi nợ theo Hợp đồng thế chấp số: 238022.24.800.3053748.BD ngày 24/09/2024.

Khoản vay ngắn hạn của **Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ** theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2026/4528578/HĐTD ngày 12/06/2026 với các điều khoản sau: Hạn mức tín dụng: 130.000.000.000 đồng; Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh và L/C phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh; Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng; Thời hạn cho vay: tối đa không quá 06 tháng được thỏa thuận tại Khế ước nhận nợ; Lãi suất vay: theo từng Khế ước nhận nợ; Tài sản đảm bảo: xe ô tô nhãn hiệu Ford mới 100% hình thành từ vốn vay.

Khoản vay ngắn hạn của **Công ty Cổ phần VW Tân Thuận** theo Hợp đồng Tín dụng hạn mức số 01/2025/21239804/HĐTD ngày 17/10/2025 với các điều khoản sau: Hạn mức cấp tín dụng là 100.000.000.000 đồng. Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng. Thời hạn vay và lãi suất theo từng lần nhận nợ. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh.

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(19.04) Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng:

Khoản vay ngắn hạn của **Công ty Cổ phần City Auto** theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số BCLC-14703 ngày 11/02/2026 với tổng hạn mức vay là 170 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức 12 tháng; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ và tối đa không quá 04 tháng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, phát hành các loại bảo lãnh và phát hành LC bổ sung vốn kinh doanh. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này gồm: hợp đồng tiền gửi, số dư tài khoản, sổ tiết kiệm gửi tại VPBank và xe ô tô thương hiệu Ford các loại hình thành từ vốn vay mới 100% hoặc hiện hữu thuộc sở hữu của bên vay.

Khoản vay ngắn hạn của **Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh** theo hợp đồng tín dụng hạn mức số BCLC-6606 ngày 21/05/2025 và các phụ lục gia hạn. Hạn mức tín dụng là 100 tỷ đồng. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động để mua các loại xe mới 100% hiệu Huyndai; phát hành bảo lãnh thanh toán; phát hành upas L/C nội địa. Thời hạn cấp hạn mức 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, thời hạn vay tối đa 6 tháng từ ngày giải ngân. Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là hàng hóa hình thành từ vốn vay theo Hợp đồng thế chấp tài sản và các phụ lục kèm theo.

Khoản vay ngắn hạn của **Công ty Cổ phần Ô tô Nha Trang** theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số CLC-35962-01 ngày 10/02/2025 và các phụ lục gia hạn; Hạn mức tín dụng: 150 tỷ đồng; Mục đích vay: Bổ sung/ hoàn vốn lưu động, phát hành/ thanh toán Upas L/C nội địa phục vụ hoạt động kinh doanh xe, phụ tùng xe ô tô các loại; Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng hạn mức; Lãi suất vay: theo từng lần giải ngân; Tài sản đảm bảo: Ký quỹ theo tỷ lệ quy định và áp dụng thêm tài sản bảo đảm bổ sung như sau:

- Thế chấp bằng toàn bộ tài sản là Bất động sản tọa lạc tại thửa đất số 227, tờ bản đồ số 90 Bộ Địa chính, địa chỉ: 216, 216/1, 218 Quốc lộ 13 phường Hiệp Bình Chánh, Quận Thủ Đức (nay là Thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh.
- Toàn bộ hàng hóa là xe ô tô mua từ Công ty TNHH Ford Việt Nam
- Thư bảo lãnh của Ông Lê Công Tâm và Ông Trần Long
- Các biện pháp, tài sản đảm bảo khác theo thỏa thuận giữa Ngân hàng với Công ty và/ hoặc Bên thứ ba (nếu có)

Khoản vay ngắn hạn của **Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ** theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số BCLC-17964/HĐCV ngày 09/06/2026 với các điều khoản sau: Hạn mức tín dụng: 100.000.000.000 đồng; Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động để kinh doanh xe ô tô thương hiệu Ford; Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng; Thời hạn cho vay: theo từng Khế ước nhận nợ; Lãi suất vay: theo từng Khế ước nhận nợ; Tài sản đảm bảo: xe ô tô nhãn hiệu Ford mới 100% hình thành từ vốn vay;

Khoản vay ngắn hạn của **Công ty Cổ phần Auto Tân Thuận** theo hợp đồng cho vay số CLC-68167-01 ngày 24/12/2025 cụ thể như sau: Hạn mức vay tối đa: 200 tỷ đồng, trong đó hạn mức khả dụng là 150 tỷ đồng ; Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh xe ô tô thương hiệu Ford còn mới 100% mua từ Công ty TNHH Ford Việt Nam; Thời hạn vay: 12 tháng; Lãi suất: Được quy định cụ thể tại từng giấy nhận nợ; Tài sản thế chấp: Hàng hóa là xe ô tô con thương hiệu Ford mới 100% hình thành từ vốn vay theo Hợp đồng thế chấp số CLC-20679-13713419-HDTC-01 ký ngày 18/07/2024, hợp đồng sửa đổi bổ sung số CLC-20679-13713419-HDTC-01/PL.01 ký ngày 06/11/2024.

Khoản vay ngắn hạn của **Công ty Cổ phần VW Tân Thuận** theo Hợp đồng cho vay số CLC-37176-01 ngày 25/02/2025 và các phụ lục sửa đổi bổ sung với các điều khoản sau: Hạn mức cho vay tối đa là 120.000.000.000 đồng. Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng. Thời hạn vay theo từng lần nhận nợ và không vượt quá 06 tháng. Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

– Mục đích vay:
- Bổ sung vốn lưu động kinh doanh các loại xe Ô tô con có nguồn gốc nhập khẩu mới 100% mua từ Công ty TNHH Trend Motor Việt Nam.
- Bổ sung vốn lưu động thanh toán tiền mua xe ô tô con thương hiệu Volkswagen mà Bên bán là Công ty TNHH Trend Motor Việt Nam đang thế chấp chính các lô xe này tại các Ngân hàng khác.
- Thanh toán lương nhân viên

– Tài sản đảm bảo:
- Bất động sản tọa lạc tại thửa đất số 227, tờ bản đồ số 90; địa chỉ 216, 216/1, 218 Quốc lộ 13, Phường Hiệp Bình Chánh, Quận Thủ Đức (nay là Tp Thủ Đức), TP. HCM;
- Bảo lãnh của ông TRẦN NGỌC DÂN, Giấy CMND/hộ chiếu/thẻ CCCD số: 022761994, Nơi cấp: Công an TP. Hồ Chí Minh theo Hợp đồng bảo lãnh số ELOS-16344/23/SME/BLCN-01 ký ngày 06/12/2023 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có);
- Toàn bộ Hàng hóa là xe ô tô mua từ Công ty TNHH Trend Motor Việt Nam theo Hợp đồng đại lý Volkswagen ký ngày 15/07/2023 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số CLC-9029- 12645433-HDTC-01 ký ngày 14/12/2023 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có);
- Các biện pháp, tài sản bảo đảm khác được thỏa thuận giữa VPBank với Khách Hàng và/hoặc Bên thứ ba (nếu có) theo các Hợp đồng bảo đảm ký trước, trong và sau ngày phát sinh hiệu lực của Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng này và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế các Hợp đồng bảo đảm nêu trên (nếu có).

Khoản vay dài hạn của **Công ty Cổ phần Auto Bình Phước** theo các Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp:

Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp số 011024-5926837-AUTO-1/HĐ ngày 01/10/2024. Thời hạn vay 48 tháng. Mục đích vay: mua xe ô tô phục vụ đi lại. Lãi suất: 13,1%/năm. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là tài sản phát sinh bằng vốn vay.

Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp số 231224-5926837-AUTO-1/HĐ ngày 23/12/2024. Thời hạn vay 48 tháng. Mục đích vay: mua xe ô tô phục vụ đi lại. Lãi suất: 13%/năm. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là tài sản phát sinh bằng vốn vay.

Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp số 210125-5926837-AUTO-1/HĐ ngày 21/01/2025. Thời hạn vay 48 tháng. Mục đích vay: mua xe ô tô phục vụ đi lại. Lãi suất: 12,7%/năm Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là tài sản phát sinh bằng vốn vay.

Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp số 031025-5926837-AUTO-2/HĐ ngày 04/10/2025. Thời hạn vay 60 tháng. Mục đích vay: mua xe ô tô phục vụ đi lại. Lãi suất 7,9%/năm. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là tài sản phát sinh bằng vốn vay.

Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp số 101225-5926837-AUTO-1/HĐ ngày 11/12/2025. Thời hạn vay 48 tháng. Mục đích vay: mua xe ô tô phục vụ đi lại. Lãi suất 7.9%/năm. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là tài sản phát sinh bằng vốn vay.

Khoản vay dài hạn của **Công ty Cổ phần Auto Tân Thuận** theo hợp đồng cho vay số CLC-66507-01 ngày 11/12/2025 cụ thể như sau: Số tiền cho vay: 494.405.000 đồng; Mục đích vay: mua xe ô tô Territory JX6470PD6-Tita X; Thời hạn vay: 48 tháng; Lãi suất: Được quy định cụ thể tại từng giấy nhận nợ; Tài sản thế chấp: xe ô tô nhãn hiệu Ford, số loại: TERRITORY, biển kiểm soát: 51L-504.39 theo Hợp đồng thế chấp số CLC-66507-13713419-HDTC-01 ký ngày 11/12/2025.

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(19.05) Ngân hàng TMCP Phương Đông:

Khoản vay ngắn hạn của **Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh** theo hợp đồng tín dụng số 0096/2026/HĐCTD-OCB-DN ngày 24/06/2026, hạn mức vay: 25 tỷ đồng. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động. Thời hạn tín dụng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là Bất động sản tại phường Nghi Hương, thị xã Cửa Lò (nay là Phường Cửa Lò), tỉnh Nghệ An đồng thuộc sở hữu của Công ty CP Golf biển Cửa Lò.

Khoản vay ngắn hạn của **Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ** theo Hợp đồng tín dụng số 0089/2025/HĐCTD-OCB-DN ngày 29/05/2025, hạn mức tín dụng: 100 tỷ đồng. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động để kinh doanh xe ô tô thương hiệu Ford. Thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ; lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai thuộc thửa đất số 69, tờ bản đồ số 30, địa chỉ Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM529701, số sổ cấp GCN: CT76889 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16/01/2019 và Giấy phép xây dựng số 129/GPXD do Ban Quản lý Các Khu Chế xuất và Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/10/2019 và Điều chỉnh Giấy phép xây dựng ngày 05/02/2021;
- Cổ phiếu niêm yết do Công ty Cổ phần City Auto phát hành.

(19.06) Ngân hàng TMCP Phát Triển TP. HCM:

Khoản vay ngắn hạn của **Công ty Cổ phần City Auto** theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 20796/25MN/HĐTD ngày 04/09/2025 với tổng hạn mức là 55 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức 36 tháng; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động kinh doanh mua bán ô tô nhãn hiệu Ford, linh kiện, phụ tùng xe và thanh toán chi lương cho cán bộ nhân viên công ty. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này theo hợp đồng thế chấp hàng hoá số 15474/25MN/HĐBĐ ngày 04/09/2025.

Khoản vay dài hạn của **Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh** theo hợp đồng tín dụng số 14538/26MN/HĐTD ngày 26/05/2026. Số tiền vay: 632.000.000 VNĐ; Mục đích vay: Mua xe Ô tô sử dụng cho Công ty; Thời hạn cho vay: 24 tháng kể từ ngày ký hợp đồng; Lãi suất vay quy định trong khế ước nhận nợ; Tài sản đảm bảo là bảo lãnh của Ông Trần Ngọc Dân cho toàn bộ nghĩa vụ tài chính của Công ty tại Ngân hàng TMCP Phát triển TP. HCM, Xe ô ô nhãn hiệu Hyundai Tucson hình thành từ vốn vay.

Khoản vay ngắn hạn của **Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ** theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 34855/23MN/HĐTD ngày 24/11/2023 với các điều khoản sau: Hạn mức tín dụng: 55.000.000.000 đồng; Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động để kinh doanh xe ô tô thương hiệu Ford và chi lương; Thời hạn duy trì hạn mức: 36 tháng; Thời hạn cho vay: theo từng Khế ước nhận nợ; Lãi suất vay: theo từng Khế ước nhận nợ; Tài sản đảm bảo: xe ô tô nhãn hiệu Ford mới 100% hình thành từ vốn vay;

Khoản vay ngắn hạn của **Công ty Cổ phần Auto Tân Thuận** theo hợp đồng tín dụng số 39421/23MN/HĐTD ngày 26/12/2023 và phụ lục 39421/23MN/HĐTD/PL01 ngày 21/11/2025 cụ thể như sau: Hạn mức tín dụng: 100 tỷ đồng; Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động kinh doanh xe ô tô nhãn hiệu Ford, linh kiện, phụ tùng xe ô tô, phát hành Upas L/C nội địa; Thời hạn hiệu lực của hạn mức tín dụng tới ngày 26/12/2026; Thời hạn vay: Được quy định cụ thể tại từng giấy nhận nợ; Lãi suất: Được quy định cụ thể tại từng giấy nhận nợ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tài sản đảm bảo:

- Lô xe đã hình thành/ hình thành trong tương lai nhãn hiệu Ford , nguyên chiếc mới 100% mua từ Công ty TNHH Ford Việt Nam.
- Cổ phiếu niêm yết của Công ty Cổ phần City Auto (mã: CTF).
- Cổ phiếu niêm yết của Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn (mã: BSG).

Khoản vay ngắn hạn của **Công ty Cổ phần Auto Tân Thuận** theo hợp đồng tín dụng số 39429/23MN/HĐTD ngày 26/12/2023 và phụ lục 39429/23MN/HĐTD/PL01 ngày 21/11/2025 cụ thể như sau: Hạn mức tín dụng: 5 tỷ đồng; Mục đích vay: phục vụ chi lương cho cán bộ nhân viên thông qua tài khoản HDBank; Thời hạn hiệu lực của hạn mức tín dụng tới ngày 26/12/2026; Thời hạn vay: Được quy định cụ thể tại từng giấy nhận nợ; Lãi suất: Được quy định cụ thể tại từng giấy nhận nợ; Biện pháp đảm bảo: Bảo lãnh của Công ty Cổ phần City Auto, Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Thành Đô và ông Trần Ngọc Dân.

Khoản vay dài hạn của **Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh** theo hợp đồng tín dụng số 41742/23MN/HĐTD ngày 04/01/2024 và các phụ lục. Số tiền vay: 1.130.000.000 VNĐ; Mục đích vay: Mua xe Ô tô Hyundai Palisade, BKS: 51K-918.10; Thời hạn cấp tín dụng: 24 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ; Tài sản đảm bảo là bảo lãnh của Ông Trần Ngọc Dân cho toàn bộ nghĩa vụ tài chính của Công ty tại Ngân hàng TMCP Phát triển TP. HCM.

Khoản vay dài hạn của **Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh** theo hợp đồng tín dụng số 1953/25MN/HĐTD ngày 21/01/2025. Số tiền vay: 1.169.000.000 VNĐ. Mục đích vay: Mua xe Ô tô Hyundai Venue mang BKS: 51K-046.82 và Hyundai Santafe mang BKS: 51L-522.50. Thời hạn cấp tín dụng: 24 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo: Xe ô tô hình thành từ vốn vay.

Các khoản vay dài hạn của **Công ty Cổ phần VW Tân Thuận** theo:

Hợp đồng Tín dụng số 5941/24MN/HĐTD ngày 12/3/2024 với các điều khoản sau: Số tiền vay: 800.000.000 đồng. Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay lần đầu. Mục đích vay: cho vay/bù đắp vốn mua Volkswagen T-Cross phục vụ đi lại của công ty. Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo:

- Xe ô tô, Nhãn hiệu VOLKSWAGEN, Biển kiểm soát 51L-481.42;
- Bảo lãnh cá nhân của ông Lê Đức Hòa và Ông Trần Ngọc Dân và Công ty CP DAF Group đối với toàn bộ nghĩa vụ tài chính của Bên được cấp tín dụng tại HDBank và;
- Các tài sản khác thuộc quyền sở hữu/sử dụng của Bên vay/Bên được cấp tín dụng và/hoặc Bên thứ ba.

Hợp đồng Tín dụng số 2126/24MN/HĐTD ngày 22/01/2024 với các điều khoản sau: Số tiền vay: 4.280.000.000 đồng. Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay lần đầu. Mục đích vay: Cho vay/bù đắp vốn mua 01 xe ô tô Volkswagen Teramont và 01 xe ô tô Volkswagen Touareg phục vụ đi lại của Công ty. Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo:

- Xe ô tô, Nhãn hiệu VOLKSWAGEN, Biển kiểm soát 51L-481.31;
- Xe ô tô, Nhãn hiệu VOLKSWAGEN, Biển kiểm soát 51L-481.46;
- Bảo lãnh cá nhân của ông Lê Đức Hòa, Ông Trần Ngọc Dân và Công ty CP DAF Group đối với toàn bộ nghĩa vụ tài chính của Bên được cấp tín dụng tại HDBank và;
- Các tài sản khác thuộc quyền sở hữu/sử dụng của Bên vay/Bên được cấp tín dụng và/hoặc Bên thứ ba.

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(19.07) Ngân hàng TMCP Tiên Phong:

Khoản vay ngắn hạn của **Công ty Cổ phần Ô tô Nha Trang** theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 325/2024/HDTD/NTG ngày 04/02/2025 và các phụ lục gia hạn với các điều khoản sau: Hạn mức cho vay: 50 tỷ đồng; Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động cho vay bù đắp, thanh toán tiền kinh doanh xe ô tô nhãn hiệu Ford mới 100% do Công ty Ford Việt Nam phân phối và các đại lý Ford đạt tiêu chuẩn 3S trong cùng hệ thống; Thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng cấp tín dụng; Lãi suất vay: theo từng lần giải ngân; Tài sản đảm bảo: ký quỹ theo quy định về ký quỹ và hàng hóa là xe ô tô Ford theo Hợp đồng thế chấp Tài sản số 248/2024/HDBD/NTG ngày 29/08/2024 và Hợp đồng thế chấp Tài sản số 214/2024/HDBD/NTG ngày 29/07/2024.

Khoản vay ngắn hạn của **Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ** theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 15/2025/HDTD/PDL ngày 17/03/2025 và các phụ lục gia hạn với các điều khoản sau: Hạn mức tín dụng: 70.000.000.000 đồng; Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động để kinh doanh xe ô tô thương hiệu Ford; Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng; Thời hạn cho vay: đa không quá 04 tháng được thỏa thuận tại Khế ước nhận nợ; Lãi suất vay: theo từng Khế ước nhận nợ; Tài sản đảm bảo: xe ô tô nhãn hiệu Ford mới 100% hình thành từ vốn vay;

Khoản vay ngắn hạn của **Công ty Cổ phần Auto Tân Thuận** theo hợp đồng tín dụng số 57/2025/HDTD/PDL ngày 12/5/2025 và các phụ lục gia hạn cụ thể như sau: Hạn mức tín dụng: 70 tỷ; Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động; Thời hạn vay: Được quy định cụ thể tại từng giấy nhận nợ nhưng không vượt quá 4 tháng; Lãi suất: Được quy định cụ thể tại từng giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo: Theo hợp đồng bảo đảm số 66/2024/HDBD/PDL ngày 6/3/2024.

VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Khoản vay dài hạn của **Công ty Cổ phần City Auto** theo hợp đồng cho vay số 18/2023/HDTD/TTKHDNL MN2 ngày 23/10/2023 với số tiền vay là 250 tỷ đồng; thời gian vay tối đa 60 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên và không vượt quá thời gian vay còn lại theo hợp đồng mượn tiền số 2507/HĐ/CTF-BL.23 ngày 25/07/2023, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Mục đích vay: thanh toán khoản nợ đã vay từ Công ty Cổ phần Bất động sản Bảo Long theo hợp đồng mượn tiền số 2507/HĐ/CTF-BL.23 ngày 25/07/2023 và các phụ lục hợp đồng (nếu có). Tài sản đảm bảo cho khoản vay này được qui định cụ thể trong hợp đồng thế chấp số 90/2023/HDBD/TTKHDNL MN2 ngày 15/11/2023.

Khoản vay dài hạn của **Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh** theo hợp đồng cho vay số 21/2025/HDTD/GVP ngày 07/03/2025. Số tiền vay: 350.000.000 VNĐ. Mục đích vay: Mua xe ô tô sử dụng cho Công ty. Thời hạn cho vay: 36 tháng. Lãi suất vay trong 06 tháng đầu kể từ ngày giải ngân là 6,8%/năm, điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần bằng lãi suất cơ sở cho vay ô tô của KHDN của TPBank cộng biên độ 3,6%/năm. Tài sản đảm bảo: Xe ô tô hình thành từ vốn vay.

Khoản vay dài hạn của **Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ** theo Hợp đồng cho vay số 03/2024/HDTD/TTKHDNL MN2 ngày 17/07/2024 với các điều khoản sau: Hạn mức vay: 100.000.000.000 đồng; Mục đích vay: thanh toán tiền thuê showroom, văn phòng và xưởng dịch vụ; Thời hạn cho vay: 60 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên; Lãi suất vay: 10,5%/năm; Tài sản đảm bảo: quyền khai thác thửa đất (lợi thế quyền thuê đất hàng năm) và tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số 18, tờ bản đồ số 38, Phường Nghi Hương, Thị xã Cửa Lò, Tỉnh Nghệ An.

Khoản vay dài hạn của **Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ** theo hợp đồng cho vay số 222/2025/HDTD/PDL ngày 13/01/2026 với các điều khoản sau: Hạn mức vay: 531.000.000 đồng; Mục đích vay: bù đắp tiền mua xe phục vụ đi lại của doanh nghiệp; Thời hạn cho vay: 60 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên; Lãi suất vay: 8,7%/năm cho 12 tháng đầu tiên, sau đó được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần; Tài sản đảm bảo: Xe ô tô hình thành từ vốn vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Khoản vay dài hạn của **Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ** theo hợp đồng cho vay số 211/2025/HDTD/PDL ngày 22/01/2026 với các điều khoản sau: Hạn mức vay: 16.000.000.000 đồng; Mục đích vay: Vay thanh toán hoàn vốn các chi phí đầu tư đất Thửa đất số 4914, tờ bản đồ số 04, Ấp Tam Hiệp, Châu Thành, Tiền Giang, chi phí đầu tư, cải tạo, sửa chữa cơ sở vật chất chi nhánh Showroom 3S của Công ty tại Tiền Giang; Thời hạn cho vay: 60 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất vay: theo từng Khế ước nhận nợ.

Khoản vay dài hạn của **Công ty Cổ phần Auto Tân Thuận** theo hợp đồng tín dụng số 167/2025/HDTD/PDL ngày 17/10/2025 cụ thể như sau: Số tiền vay: 980.250.000 đồng; Mục đích vay: vay bù đắp tiền mua xe phục vụ đi lại của doanh nghiệp; Thời hạn vay:72 tháng; Lãi suất: Được quy định cụ thể tại từng giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo: xe nhãn hiệu Ford màu trắng, biển kiểm soát 51K-948.95.

Khoản vay dài hạn của **Công ty Cổ phần Auto Tân Thuận** theo hợp đồng tín dụng số 204/2025/HDTD/PDL ngày 11/11/2025 cụ thể như sau: Số tiền vay: 1.449.750.000 đồng; Mục đích vay: vay bù đắp tiền mua xe phục vụ đi lại của doanh nghiệp; Thời hạn vay:48 tháng; Lãi suất: Được quy định cụ thể tại từng giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo: xe nhãn hiệu Ford Ranger Raptor màu cam biển kiểm soát 51B-515.46, Ford Ranger màu đỏ biển kiểm soát 51L-477.68.

Khoản vay dài hạn của **Công ty Cổ phần VW Tân Thuận** theo:

Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp ô tô số 172/2024/HDTD/CP ngày 27/09/2024 với các điều khoản sau: Số tiền vay: 1.581.000.000 đồng, thời hạn vay: 84 tháng, mục đích vay: Mua xe ô tô; lãi suất linh hoạt theo từng khế ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo bao gồm:

- Xe ô tô Volkswagen Viloran Luxury số khung LSVSH7C69RN015877 biển kiểm soát 51L-279.16
- Chứng nhận đăng ký xe ô tô số : 50 108929 do Phòng Cảnh sát giao thông - Công an Thành phố Hồ Chi Minh cấp ngày 11/09/2024 cho Công ty CP VW Tân Thuận.
- Các giấy tờ chứng minh quyền sở hữu khác (nếu có).

Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp ô tô số 138/2024/HDTD/CP ngày 23/07/2024 với các điều khoản sau: Số tiền vay: 1.266.000.000 đồng, thời hạn vay: 84 tháng, mục đích vay: Mua xe ô tô; lãi suất linh hoạt theo từng khế ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo bao gồm:

- Xe ô tô Volkswagen số khung WVGZZZ5N5PM020815 biển kiểm soát 51L-265.42
- Các giấy tờ chứng minh quyền sở hữu khác (nếu có).

Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp ô tô số 107/2024/HDTD/CP ngày 20/05/2024 với các điều khoản sau: Số tiền vay: 1.551.000.000 đồng, thời hạn vay: 84 tháng, mục đích vay: Mua xe ô tô; lãi suất linh hoạt theo từng khế ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo bao gồm:

- Xe ô tô Volkswagen Teramont X Platinum số khung LSVUW7CA4PN052206 biển kiểm soát 51L-147.36
- Các giấy tờ chứng minh quyền sở hữu khác (nếu có).

Khoản vay dài hạn của **Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh** theo hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 177/2026/HDTD/BLE.MN6.H1 ngày 25/06/2026. Số tiền vay: 380.000.000 VNĐ. Mục đích vay: Mua xe ô tô sử dụng cho Công ty. Thời hạn cho vay: 48 tháng. Lãi suất vay theo giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo: Xe ô tô hình thành từ vốn vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(19.08) Ngân hàng TMCP Thịnh Vượng và Phát Triển:

Khoản vay ngắn hạn của **Công ty Cổ phần City Auto** theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 441/2025/0022/HĐTDHM-DN/PGBankSG ngày 15/09/2025, Hợp đồng hạn mức thấu chi số 441/2025/0023/HĐHMTC-DN/PGBankSG ngày 15/09/2025 và Phụ lục số 441/2025/0022.01/PLHDTDHM-DN/PGBankSG ngày 15/09/2025 với tổng hạn mức tín dụng là 60 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức tín dụng là 12 tháng, thời hạn vay theo từng khế ước nhận nợ không quá 04 tháng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động trong hoạt động kinh doanh, tài trợ vốn để thanh toán tiền mua xe trực tiếp từ Công ty TNHH Ford Việt Nam. Tài sản đảm bảo cho khoản vay:

- Thế chấp xe ô tô Demo thuộc sở hữu của khách hàng;
- Thế chấp xe ô tô được phân phối từ Công ty TNHH Ford Việt Nam và hình thành từ vốn vay do PGBank tài trợ.
- Các loại tài sản đảm bảo khác đủ điều kiện bảo đảm theo quy định của PGBank trong từng thời kỳ;

Khoản vay ngắn hạn của **Công ty CP Auto Trường Chinh** vay theo hợp đồng hạn mức tín dụng số VN0010107.143/25/DN ngày 23/09/2025. Hạn mức tín dụng: 200 tỷ. Thời hạn cấp tín dụng: 12 tháng. Thời hạn cho vay: Tối đa 06 tháng đối với mục đích mua hàng hóa là Ô tô từ HTV, tối đa 04 tháng đối với mục đích thanh toán lương, mua phụ tùng. Lãi suất cho vay được quy định tại từng khế ước. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất, kinh doanh xe ô tô và phụ tùng, phụ kiện, vật tư ô tô. Tài sản đảm bảo: chi tiết theo các hợp đồng đảm bảo đối với nghĩa vụ nợ phát sinh nhằm mua hàng hóa là xe ô tô, đối với nghĩa vụ nợ phát sinh thực hiện thanh toán tiền phụ tùng, thanh toán lương không có tài sản đảm bảo.

Khoản vay ngắn hạn của **Công ty CP Auto Bình Phước** vay theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 948.204/2025/HĐTDHM-DN/PGBankBD ngày 24/10/2025 với tổng hạn mức tín dụng là 100 tỷ đồng, thời hạn cấp: 12 tháng, thời hạn vay tối đa 4 tháng, lãi suất được quy định cụ thể theo từng khế ước nhận nợ. Mục đích vay: Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh xe ô tô. Tài sản đảm bảo: hàng hóa là xe ô tô do HTV phân phối được hình thành từ vốn vay do PG bank cấp tín dụng với thời gian không quá 12 tháng; Các loại tài sản đảm bảo khác được quy định trong từng thời kỳ.

Khoản vay ngắn hạn của **Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ** theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số VN0010107.023/26/DN/HĐTDHM-DN/PGBankSG ngày 12/03/2026 với thời hạn cấp tín dụng là 12 tháng, lãi suất vay theo từng Khế ước nhận nợ, tổng hạn mức là 100.000.000.000 VND, trong đó:

- Hạn mức thấu chi không tài sản đảm bảo là 10.000.000.000 đồng; mục đích vay: bổ sung vốn lưu động, phục vụ sản xuất kinh doanh;

- Hạn mức tín dụng bảo đảm bằng xe Demo/HĐTG là 10.000.000.000 đồng; mục đích vay: bổ sung vốn lưu động, phục vụ sản xuất kinh doanh, loại trừ mục đích thanh toán mua ngang giữa các đại lý và các giao dịch phát sinh đối với các bên có liên quan đến Tập đoàn Tân Thành Đô và Công ty TNHH Minh Long.

- Hạn mức tín dụng bảo đảm bằng tài sản hình thành trong tương lai là các lô xe do PGBank tài trợ là 80.000.000.000 đồng; mục đích vay: chi tài trợ vốn để thanh toán tiền mua xe trực tiếp từ Công ty TNHH Ford Việt Nam.

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Khoản vay dài hạn của **Công ty CP Auto Trường Chinh** theo hợp đồng tín dụng số 441/2024/0018/HĐTD-DN/PGBankSG ngày 21/03/2024. Số tiền vay: 760.000.000 VNĐ. Thời hạn cho vay: 24 tháng. Lãi suất được quy định cụ thể tại khế ước nhận nợ. Mục đích vay: Bù đắp tiền mua Xe Ô tô nhãn hiệu Hyundai, kiểu loại Custin 2.0T. Tài sản đảm bảo là Xe Ô tô hình thành từ khoản vay.

(19.09) Ngân hàng TMCP Bảo Việt:

Khoản vay ngắn hạn của **Công ty Cổ phần VW Tân Thuận** theo Hợp đồng Tín dụng số 0050-2025-HĐTD1-BVB003 ngày 03/04/2025 và các phụ lục gia hạn với các điều khoản sau: Hạn mức cho vay là 100.000.000.000 đồng. Thời hạn duy trì hạn mức 12 tháng. Thời hạn vay theo từng lần nhận nợ và không quá 04 tháng. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh xe ô tô nhãn hiệu Volkswagen. Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo:

- Lô xe ô tô mới hình thành trong tương lai nhãn hiệu Volkswagen (mới 100%) được mua trực tiếp từ Công ty TNHH Trend Motor Việt Nam;
- Xe ô tô mới tồn kho nhãn hiệu Volkswagen (mới 100%), có Thời hạn xe không quá 12 tháng;
- Giấy tờ có giá do Ngân hàng phát hành, bất động sản và phương tiện vận tải thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của Khách hàng và/hoặc Bên thứ 3 có liên quan theo quy định của Ngân hàng.

(19.10) Ngân hàng Bangkok Đại Chúng TNHH:

Khoản vay ngắn hạn của **Công ty Cổ phần City Auto** theo hợp đồng tín dụng hạn mức số CP/HCM/007-23 ngày 19/05/2023 với tổng hạn mức vay là 130 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức: 10 năm; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này gồm: cầm cố số dư ngân hàng bằng 20% hạn mức của hạn mức tín dụng tổng hợp, thư bảo lãnh cá nhân do ông Trần Ngọc Dân với số tiền là 104 tỷ đồng.

(19.11) Ngân hàng TMCP Đông Nam Á:

Khoản vay ngắn hạn của **Công ty Cổ phần City Auto** theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 01/2026/HDTD-HM/TTKD ngày 14/01/2026 với tổng hạn mức vay là 100 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức 12 tháng; Thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ; Lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể; Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động; Tài sản đảm bảo: Xe Ford hình thành từ vốn vay hoặc xe có sẵn trong kho mới 100% và các biện pháp khác theo thoả thuận với SeABank.

Khoản vay ngắn hạn của **Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ** theo Hợp đồng cho vay số REF2613329306/HĐCV ngày 21/05/2026 với tổng hạn mức 100 tỷ đồng; mục đích vay: bổ sung vốn lưu động để kinh doanh xe ô tô thương hiệu Ford; Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng; Thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể; Tài sản đảm bảo: Xe Ford hình thành từ vốn vay mới 100%.

Khoản vay ngắn hạn của **Công ty Cổ phần Auto Tân Thuận** theo hợp đồng tín dụng số REF2535237385/HĐCV ngày 19/01/2026 cụ thể như sau: Hạn mức vay: 100 tỷ; Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động; Thời hạn vay: 6 tháng; Lãi suất: Được quy định cụ thể tại từng giấy nhận nợ; Tài sản bảo đảm: Xe/lô xe ô tô Ford hình thành từ vốn vay và/hoặc xe có sẵn trong kho mới 100% của Công ty Cổ phần Auto Tân Thuận.

(19.12) Ngân hàng First Commercial Bank:

Khoản vay ngắn hạn của **Công ty Cổ phần City Auto** theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số STLUS-H30260005 ngày 08/05/2026 với hạn mức vay là 100 tỷ đồng; bên vay được rút vốn nhiều lần trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động. Biện pháp đảm bảo:

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

- Tiền gửi có kỳ hạn: Bên vay phải cung cấp một khoản tiền bằng 40% giá trị giải ngân dưới hình thức tiền gửi có kỳ hạn để làm đảm bảo khi giải ngân Vốn lưu động. Nếu tổng Dư nợ tại thời điểm thực hiện giải ngân vượt mức 70 tỷ đồng thì bên Vay phải cung cấp một khoản tiền bằng 50% của phần vượt trên 70 tỷ đồng dưới hình thức tiền gửi có kỳ hạn để làm đảm bảo khi giải ngân vốn lưu động.
- Bảo lãnh cá nhân: là (các) bảo lãnh do Ông Trần Ngọc Dân CCCD số: 027053004885 ký phát cho Ngân hàng hưởng lợi, với nội dung là những người bảo lãnh sẽ bảo lãnh một cách không hủy ngang và vô điều kiện với Ngân hàng về việc hoàn trả đúng hạn và dứt điểm khoản Tín dụng.

(19.13) Ngân hàng TMCP Á Châu:

Khoản vay ngắn hạn của **Công ty Cổ phần City Auto** theo hợp đồng cấp tín dụng số TAT.DN.6700. 230625 ngày 05/07/2025 với tổng hạn mức tín dụng là 355 tỷ đồng; thời gian hiệu lực của hạn mức tín dụng là 12 tháng; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ tối đa không quá 05 tháng kể từ ngày kế tiếp của ngày giải ngân, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động mua bán xe mới 100% thương hiệu Ford; Phát hành các loại bảo lãnh trong nước: bảo lãnh dự thầu, bảo lãnh bảo hành, bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Vay thấu chi của **Công ty Cổ phần City Auto** theo hợp đồng cấp tín dụng số TAT.DN.6738.230625 ngày 05/07/2025 với tổng hạn mức là 06 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức 12 tháng; lãi suất cho vay 7,5%/năm được điều chỉnh 03 tháng/lần. Mục đích vay: Phục vụ hoạt động kinh doanh. Tài sản đảm bảo cho khoản vay:

Tài sản đảm bảo cho các khoản vay, thấu chi này bao gồm:

- Toàn bộ số dư bao gồm số vốn gốc và lãi phát sinh của thẻ tiết kiệm/ hợp đồng tiền gửi/ tài khoản tiền gửi do ACB phát hành/ mở tài khoản;
- Toàn bộ lô hàng xe Ford mới 100% do ACB tài trợ là hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất, kinh doanh hoặc tài sản hình thành trong tương lai, bao gồm quyền yêu cầu bên có nghĩa vụ thanh toán tiền, số tiền thu được, tài sản hình thành từ số tiền thu được, tài sản được thay thế, được trao đổi trong trường hợp tài sản bảo đảm được bán, được thay thế, được trao đổi và toàn bộ lô hàng xe đang thế chấp tại ACB theo các hợp đồng thế chấp, hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp/ phụ lục hợp đồng thế chấp mà Công ty đã ký với ACB;

Khoản vay ngắn hạn của **Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ** theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số TAT.DN.2294.250625 ngày 04/07/2025 với các điều khoản sau: Hạn mức tín dụng: 200.000.000.000 đồng; Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động; Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng; Thời hạn cho vay: đa không quá 05 tháng được thỏa thuận tại Khế ước nhận nợ; Lãi suất vay: theo từng Khế ước nhận nợ; Tài sản đảm bảo: xe ô tô nhãn hiệu Ford mới 100% hình thành từ vốn vay.

Khoản vay ngắn hạn của **Công ty Cổ phần Auto Tân Thuận** theo hợp đồng tín dụng số TAT.DN.3452.230625 ngày 02/07/2025 cụ thể như sau: Hạn mức vay: 200 tỷ; Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động; Thời hạn vay: 12 tháng; Lãi suất: Được quy định cụ thể tại từng giấy nhận nợ; Tài sản bảo đảm: Toàn bộ lô hãng xe Ford mới 100% do ACB tài trợ là hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất, kinh doanh hoặc là tài sản hình thành trong tương lai và văn bản bảo lãnh của Công ty Cổ phần City Auto.

Khoản vay ngắn hạn của **Công ty Cổ phần VW Tân Thuận** theo Hợp đồng Tín dụng số TAT.DN.1828.010725 ngày 29/07/2025. Hạn mức cho vay là 200.000.000.000 đồng. Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng. Thời hạn vay theo từng lần nhận nợ và không quá 05 tháng. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh xe ô tô nhãn hiệu Volkswagen. Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo:

- Lô xe ô tô mới hình thành trong tương lai nhãn hiệu Volkswagen (mới 100%) được mua trực tiếp từ Công ty TNHH Trend Motor Việt Nam;

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

- Xe ô tô mới tồn kho nhãn hiệu Volkswagen (mới 100%), có Thời hạn xe không quá 12 tháng;
- Giấy tờ có giá do Ngân hàng phát hành, bất động sản và phương tiện vận tải thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của Khách hàng và/hoặc Bên thứ 3 có liên quan theo quy định của Ngân hàng;

Khoản vay dài hạn của **Công ty Cổ phần VW Tân Thuận** theo hợp đồng cho vay kiêm thế chấp ô tô số TAT.DN.4397.240725 ngày 29/07/2025. Số tiền vay: 3.326.000.000 đồng, thời hạn vay: 72 tháng, mục đích vay: Mua xe ô tô; lãi suất linh hoạt theo từng khế ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo bao gồm:

- Xe ô tô Volkswagen Viloran Luxury số khung LSVUW7CA6RN043607 biển kiểm soát 51L-488.50;
- Xe ô tô Volkswagen Viloran Luxury số khung LSVSH7C63RN020833 biển kiểm soát 51L-481.31;
- Các giấy tờ chứng minh quyền sở hữu TSBĐ (nếu có)

(19.14) Ngân hàng The Shanghai Commercial & Savings Bank, Ltd.:

Khoản vay ngắn hạn của **Công ty Cổ phần City Auto** theo thỏa thuận tín dụng số 6701115110005 ngày 08/05/2026 với hạn mức tín dụng là 55 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức đến ngày 17/03/2027; thời hạn của mỗi khoản vay là 120 ngày và được phép vượt quá ngày đáo hạn của hạn mức tín dụng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, mua nguyên vật liệu. Biện pháp đảm bảo: tài khoản tiền gửi của Công ty tại Ngân hàng The Shanghai Commercial & Savings Bank, Ltd. và hợp đồng bảo lãnh liên đới số 6701115110005-G ngày 08/05/2026 giữa ông Trần Ngọc Dân, Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô và Ngân hàng The Shanghai Commercial & Savings Bank, Ltd.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi của vốn chủ sở hữu:

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư và phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2025	**956.538.590.000**	**19.004.385.000**	**1.215.200.961**	**4.367.682.760**	**57.141.470.070**	**84.244.942.461**	**1.122.512.271.252**
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	1.897.842.912	2.177.714.051	4.075.556.963
Chi trả cổ tức	-	-	-	-	-	(887.631.043)	(887.631.043)
Tại ngày 30/06/2025	**956.538.590.000**	**19.004.385.000**	**1.215.200.961**	**4.367.682.760**	**59.039.312.982**	**85.535.025.469**	**1.125.700.197.172**
Tại ngày 01/01/2026	**956.538.590.000**	**19.004.385.000**	**1.215.200.961**	**4.367.682.760**	**18.429.099.616**	**84.303.487.453**	**1.083.858.445.790**
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	4.124.098.139	1.455.696.969	5.579.795.108
Chi trả cổ tức	-	-	-	-	-	(41.912.242)	(41.912.242)
Tại ngày 30/06/2026	**956.538.590.000**	**19.004.385.000**	**1.215.200.961**	**4.367.682.760**	**22.553.197.755**	**85.717.272.180**	**1.089.396.328.656**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

Cổ phiếu:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	**95.653.859**	**95.653.859**
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	**95.653.859**	**95.653.859**
Cổ phiếu phổ thông	95.653.859	95.653.859
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	**95.653.859**	**95.653.859**
Cổ phiếu phổ thông	95.653.859	95.653.859
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: VNĐ/cổ phiếu	**10.000**	**10.000**

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
- Vốn góp của cổ đông không kiểm soát	87.502.000.000	87.502.000.000
- Lợi nhuận chia cho cổ đông không kiểm soát	12.461.100.306	11.005.403.337
- Chia cổ tức cho cổ đông không kiểm soát	(10.813.527.633)	(10.771.615.391)
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	125.282.752	125.282.752
- Điều chuyển lợi nhuận do chuyển nhượng cổ phần	(3.136.284.405)	(3.136.284.405)
- Các khoản điều chỉnh khác	(421.298.840)	(421.298.840)
Cộng	**85.717.272.180**	**84.303.487.453**

21. TÀI SẢN NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Nguyên nhân xoá sổ
	VND	VND	
- Nợ khó đòi đã xử lý	5.356.110.813	5.356.110.813	Không thu hồi được
Cộng	**5.356.110.813**	**5.356.110.813**	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
- Doanh thu bán hàng hoá	3.274.379.004.230	4.094.790.064.609
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	231.356.087.086	218.273.576.331
- Doanh thu khác	18.690.996.265	29.329.514.048
Cộng	**3.524.426.087.581**	**4.342.393.154.988**

Trong đó, doanh thu từ các bên liên quan: chi tiết tại Thuyết minh số VII.01

2. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
- Chiết khấu thương mại	396.636.361	26.363.636
- Hàng bán bị trả lại	122.848.081.810	247.027.159.726
Cộng	**123.244.718.171**	**247.053.523.362**

3. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
- Giá vốn hàng hoá đã bán - Xe	2.997.804.269.042	3.690.665.856.398
- Giá vốn hàng hoá đã bán - Phụ tùng	38.806.665.683	30.805.257.110
- Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	124.884.290.940	123.873.123.363
- Giá vốn khác	6.472.551.924	4.471.441.377
Cộng	**3.167.967.777.589**	**3.849.815.678.248**

4. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
- Lãi tiền gửi	1.593.508.790	1.389.279.062
- Lãi từ các khoản ký quỹ, cho vay	53.269.862.734	68.928.029.268
- Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	5.863.642.116	39.070.688
Cộng	**60.727.013.640**	**70.356.379.018**

Trong đó, doanh thu hoạt động tài chính từ các bên liên quan: chi tiết tại Thuyết minh số VII.01

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

5. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
- Lãi vay	97.214.114.396	98.849.380.246
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	14.029.163
Cộng	**97.214.114.396**	**98.863.409.409**

Trong đó, chi phí tài chính từ các bên liên quan: chi tiết tại Thuyết minh số VII.01

6. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
- Chi phí nhân viên	55.851.683.945	73.191.270.628
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	3.292.092.832	-
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.378.822.533	7.154.032.416
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	37.162.834.974	42.475.271.463
- Chi phí bằng tiền khác	31.342.879.719	73.024.730.322
Cộng	**135.028.314.003**	**195.845.304.829**

7. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
- Chi phí nhân viên quản lý	28.978.357.205	33.692.637.715
- Chi phí vật liệu quản lý	2.992.050.918	3.010.526.262
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.128.332.708	4.661.331.010
- Lợi thế thương mại phân bổ	7.076.396.202	7.076.396.202
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.479.139.978	22.387.795.503
- Chi phí bằng tiền khác	6.475.122.972	5.346.226.543
Cộng	**70.129.399.983**	**76.174.913.245**

8. PHẦN LÃI/(LỖ) TRONG CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Phần lãi/(lỗ) trong Công ty liên doanh, liên kết		
- Công ty Cổ phần Auto Dĩ An - Bình Dương	81.320.856	452.679.719
Cộng	**81.320.856**	**452.679.719**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

9. THU NHẬP KHÁC

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
- Lãi từ thanh lý tài sản cố định	2.622.082.427	3.122.295.668
- Hỗ trợ từ nhà cung cấp chính	14.568.846.355	53.956.704.360
- Thu nhập khác	2.304.060.320	3.169.633.790
Cộng	**19.494.989.102**	**60.248.633.818**

10. CHI PHÍ KHÁC

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
- Lỗ từ thanh lý tài sản cố định	66.359.159	618.166.871
- Các khoản bị phạt hành chính	259.967.859	360.460.133
- Chi phí khác	1.542.596.976	643.834.483
Cộng	**1.868.923.994**	**1.622.461.487**

11. CHI PHÍ THEO YẾU TỐ

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.042.895.078.475	3.755.163.751.233
- Chi phí nhân công	84.830.041.150	106.883.908.353
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	18.583.551.443	18.895.330.828
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	182.526.265.892	188.736.190.329
- Chi phí bằng tiền khác	44.290.554.615	82.838.827.042
Cộng	**3.373.125.491.575**	**4.152.518.007.785**

12. CHI PHÍ THUẾ TNDN HIỆN HÀNH

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
- Công ty Cổ phần City Auto	3.112.314.673	-
- Công ty Cổ phần VW Tân Thuận	584.053.262	-
Cộng	**3.696.367.935**	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

13.LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**4.124.098.139**	**1.897.842.912**
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	**4.124.098.139**	**1.897.842.912**
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	*95.653.859*	*95.653.859*
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**43**	**20**

14. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	4.124.098.139	1.897.842.912
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh các yếu tố suy giảm từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	**4.124.098.139**	**1.897.842.912**
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	*95.653.859*	*95.653.859*
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ sau khi đã điều chỉnh các yếu tố suy giảm	**95.653.859**	**95.653.859**
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	**43**	**20**

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Bên liên quan	Mối quan hệ
Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và Kế toán trưởng	
Ông Trần Lâm	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Trần Long	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Trần Quang Trí	Thành viên Hội đồng Quản trị
Bà Nguyễn Lan Hương	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Phan Hoàng Sơn	Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập
Ông Nguyễn Thái Hòa	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Lê Thị Diễm Hương	Thành viên Ban Kiểm soát
Ông Trần Quốc Đạt	Thành viên Ban Kiểm soát
Bà Lê Thị Thương Thương	Kế toán trưởng
Bên liên quan là các pháp nhân	
Công ty Cổ phần Auto Dĩ An - Bình Dương	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Thành Đô	Chung thành viên quản lý chủ chốt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch sau đây với các bên liên quan:

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Công ty Cổ phần Auto Dĩ An - Bình Dương		
Bán hàng, cung cấp dịch vụ	179.212.431.437	137.133.484.504
Mua hàng, nhận dịch vụ	286.711.076.735	134.505.683.982
Lãi cho vay	30.984.012	229.995.346
Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Thành Đô		
Bán hàng, cung cấp dịch vụ	284.621.845.649	266.009.456.977
Mua hàng, nhận dịch vụ	106.350.385.655	168.304.703.446
Lãi cho vay	26.427.343.959	25.656.650.319
Lãi vay		(35.442.695)

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty Cổ phần Auto Dĩ An - Bình Dương		
Phải thu khách hàng ngắn hạn	38.243.518.971	6.108.808.539
Trả trước cho người bán ngắn hạn	-	58.355.280
Phải thu khác ngắn hạn	3.696.482.686	8.634.911.113
Phải trả người bán ngắn hạn	(146.073.097.481)	(23.713.055.978)
Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Thành Đô		
Phải thu khách hàng ngắn hạn	168.465.309.944	350.886.842.678
Trả trước cho người bán ngắn hạn	61.414.302.408	35.587.880.504
Phải thu khác ngắn hạn	224.025.119.325	47.411.853.064
Phải thu khác dài hạn	246.082.000.000	226.082.000.000
Phải trả người bán ngắn hạn	(40.482.636.723)	(4.141.111.034)
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	(716.150.000)	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	(5.169.077.500)	(2.583.668.800)
Chi phí phải trả ngắn hạn	(286.695.060)	(182.834.380)
Công ty TNHH Minh Long		
Phải thu khách hàng ngắn hạn	3.463.730.407	2.537.565.983
Trả trước cho người bán ngắn hạn	102.911.062.654	105.316.735.795
Phải thu khác ngắn hạn	41.145.473.180	59.360.249.504
Phải thu khác dài hạn	15.120.000.000	15.120.000.000
Phải trả người bán ngắn hạn	(11.149.734.673)	(5.631.041.048)
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	(4.526.599.000)	(8.720.000.000)

GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Lương, thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Ông Trần Ngọc Dân	100.000.000	120.000.000
Ông Trần Quang Trí	454.960.000	383.965.000
Ông Phan Hoàng Sơn	30.000.000	30.000.000
Ông Trần Long	20.000.000	-
Ông Trần Lâm	45.000.000	453.870.000
Bà Nguyễn Lan Hương	5.000.000	-
Ông Tôn Thất Thạch	123.055.000	-
Ông Tạ Chí Hoài	123.055.000	-
Bà Hoàng Thị Thanh Hải	15.000.000	18.000.000
Bà Đỗ Thị Như Duyên	15.000.000	18.000.000
Bà Trần Thị Én	15.000.000	18.000.000
Ông Nguyễn Thái Hòa	3.000.000	-
Ông Trần Quốc Đạt	3.000.000	-
Bà Lê Thị Diễm Hương	3.000.000	-

2. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ cần phải điều chỉnh hoặc phải công bố trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

3. TRÌNH BÀY TÀI SẢN, KẾT QUẢ KINH DOANH THEO BỘ PHẬN

Ban Tổng Giám đốc của Tập đoàn xác định rằng, việc ra các quyết định quản lý của Tập đoàn chủ yếu dựa trên các loại sản phẩm, dịch vụ mà Tập đoàn cung cấp chứ không dựa trên khu vực địa lý mà công ty cung cấp sản phẩm, dịch vụ. Do vậy báo cáo chính yếu của Tập đoàn là theo lĩnh vực kinh doanh.

Báo cáo kết quả kinh doanh bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh trong kỳ như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo bộ phận kỳ này

Chỉ tiêu	Kinh doanh xe	Cung cấp dịch vụ	Kinh doanh phụ tùng	Cộng
Doanh thu thuần	3.116.924.810.994	230.119.739.611	54.136.818.805	3.401.181.369.410
Giá vốn hàng bán	2.997.804.269.042	131.356.842.864	38.806.665.683	3.167.967.777.589
Lợi nhuận gộp từ HĐKD	**119.120.541.952**	**98.762.896.747**	**15.330.153.122**	**233.213.591.821**
Tài sản bộ phận	-	-	-	-
Tài sản không phân bổ				3.944.680.181.315
Tổng tài sản				**3.944.680.181.315**
Nợ phải trả bộ phận				-
Nợ phải trả không phân bổ				2.855.283.852.659
Tổng nợ phải trả				**2.855.283.852.659**

Báo cáo bộ phận kỳ trước

Chỉ tiêu	Kinh doanh xe	Cung cấp dịch vụ	Kinh doanh phụ tùng	Cộng
Doanh thu thuần	3.812.822.941.271	238.695.911.821	43.820.778.534	4.095.339.631.626
Giá vốn hàng bán	3.690.665.856.398	128.344.564.740	30.805.257.110	3.849.815.678.248
Lợi nhuận gộp từ HĐKD	**122.157.084.873**	**110.351.347.081**	**13.015.521.424**	**245.523.953.378**
Tài sản bộ phận	-	-	-	-
Tài sản không phân bổ				3.950.207.141.541
Tổng tài sản				**3.950.207.141.541**
Nợ phải trả bộ phận	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ				2.866.348.695.751
Tổng nợ phải trả				**2.866.348.695.751**

4. THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Tập đoàn đang hoạt động liên tục và sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai, doanh nghiệp không có ý định cũng như không có bất kỳ các Quyết định của các Cơ quan quản lý nào buộc phải ngừng hoạt động hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

5. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2025 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS).

Thực hiện theo Thông tư 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính, Công ty thực hiện điều chỉnh một số chỉ tiêu đầu kỳ của Báo cáo tình hình tài chính riêng cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2026 như sau:

Chỉ tiêu	Mã số	Theo Thông tư 200/2014/TT-BTC	Theo Thông tư 99/2025/TT-BTC	Chênh lệch
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT				
TÀI SẢN				
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123/123	10.400.000.000	207.527.389.827	(197.127.389.827)
2. Phải thu ngắn hạn khác	136/135	613.337.253.027	416.209.863.200	197.127.389.827

Phê duyệt, ngày 27 tháng 08 năm 2026

Người lập	Kế toán trưởng	Phó Tổng Giám đốc
Hoàng Thị Thanh Hải	Lê Thị Thương Thương	Trần Quang Trí